

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG



(Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 1600583588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 10 tháng 08 năm 2001)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số .../ĐKCB do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm 2013)

TÔ CHỨC TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN



BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

Trụ sở chính: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại: (84.76) 3852 939 Fax: (84.76) 3852 202 Website: www.agifish.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 38 24 28 97 Fax: (84.8) 38 24 42 59 Website: www.ssi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Võ Phước Hưng
Chức vụ: Thư ký Hội đồng Quản trị
Điện thoại: (84.76) 3852 939 Fax: (84.76) 3852 202 Email: hung.vp@agifish.com.vn



BẢN CÁO BẠCH
CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 1600583588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 10 tháng 08 năm 2001)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

| | | |
|--|----------|--|
| Tên cổ phiếu | : | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang |
| Mệnh giá | : | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| Giá bán | : | 12.000 đồng/cổ phiếu |
| Tổng số lượng chào bán cho Cổ đông hiện hữu | : | 12.859.288 cổ phần |
| Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá) | : | 128.592.880.000 đồng |

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Trụ sở chính

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84 8 3824 2897

Fax: 84 8 3824 4997

E-mail: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84 4 3936 6321

Fax: 84 4 3936 6311

E-mail: ssi-hn@ssi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Bitexco Financial Tower, Tầng 28, Số 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84 8 3824 5252

Fax: 84 8 3824 5250

Email: eyhcmc@vn.ey.com

Website: www.ey.com



MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 6 |
| 1. Rủi ro về kinh tế | 6 |
| 2. Rủi ro về luật pháp | 8 |
| 3. Rủi ro do đặc thù | 8 |
| 4. Rủi ro của đợt chào bán và của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán | 9 |
| 5. Rủi ro pha loãng | 9 |
| 6. Rủi ro khác | 11 |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 12 |
| 1. Tổ chức phát hành | 12 |
| 2. Tổ chức tư vấn | 13 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM | 14 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH | 14 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 17 |
| 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty | 17 |
| 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty | 17 |
| 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại | 19 |
| 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành | 21 |
| 6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty | 22 |
| 7. Hoạt động kinh doanh | 22 |
| 8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất | 30 |
| 9. Vị thế của Công ty so với các Doanh nghiệp khác trong cùng ngành | 33 |
| 10. Chính sách đối với người lao động | 35 |
| 11. Chính sách cổ tức | 35 |
| 12. Tình hình tài chính | 36 |
| 13. Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát; Kế toán trưởng | 44 |
| 14. Tài sản thuộc sở hữu Công ty | 51 |
| 15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo | 51 |
| 16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức | 52 |
| 17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành | 53 |
| 18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán đăng ký | 53 |



| | |
|---|----|
| V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN | 54 |
| 1. Loại cổ phiếu | 54 |
| 2. Mệnh giá | 54 |
| 3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán | 54 |
| 4. Giá chào bán dự kiến | 54 |
| 5. Phương pháp tính giá | 54 |
| 6. Phương thức phân phối | 56 |
| 7. Thời gian phân phối cổ phiếu | 57 |
| 8. Đăng ký mua cổ phiếu | 57 |
| 9. Phương thức thực hiện quyền | 57 |
| 10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài | 58 |
| 11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng | 58 |
| 12. Các loại thuế liên quan | 59 |
| 13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu | 60 |
| VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN | 60 |
| 1. Mục đích chào bán | 60 |
| 2. Phương án khả thi | 64 |
| VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN | 65 |
| VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN | 68 |
| IX. PHỤ LỤC | |



DANH MỤC BẢNG BIỂU

| | |
|--|----|
| Bảng 1: Tăng trưởng GDP, 2011 – 2012 (%) | 6 |
| Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 15/03/2013..... | 19 |
| Bảng 3: Danh sách cổ đông là người có liên quan tại ngày 15/03/2013 | 20 |
| Bảng 4: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 15/03/2013 | 21 |
| Bảng 5: Cơ cấu Doanh thu của Công ty | 25 |
| Bảng 6: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty..... | 25 |
| Bảng 7: Cơ cấu Doanh thu của Công ty mẹ | 26 |
| Bảng 8: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty mẹ..... | 26 |
| Bảng 9: Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết..... | 30 |
| Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ | 30 |
| Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty | 31 |
| Bảng 12: Tỷ lệ cổ tức qua các năm | 36 |
| Bảng 13: Tình hình trích lập quỹ của Công ty qua các năm | 39 |
| Bảng 14: Số dư các khoản vay tại thời điểm 31/03/2013 | 39 |
| Bảng 15: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty | 40 |
| Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty mẹ | 40 |
| Bảng 17: Chi tiết các khoản phải trả Công ty | 41 |
| Bảng 18: Chi tiết các khoản phải trả Công ty mẹ | 41 |
| Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty | 42 |
| Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ | 43 |
| Bảng 21: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng | 44 |
| Bảng 22: Tài sản của Công ty vào thời điểm 31/03/2013 | 51 |
| Bảng 23: Kế hoạch Doanh thu, Lợi nhuận và cổ tức năm 2013, năm 2014..... | 51 |
| Bảng 24: Chi tiết kế hoạch doanh thu | 52 |
| Bảng 25: Lịch trình phân phối cổ phiếu..... | 56 |
| Bảng 26: Chi tiết nhu cầu từng vùng nuôi..... | 60 |
| Bảng 27: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán | 64 |

DANH MỤC SƠ ĐỒ

| | |
|--|----|
| Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty..... | 17 |
| Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty | 17 |
| Sơ đồ 3: Quy trình sản xuất của Công ty | 24 |
| Sơ đồ 4: Cơ cấu thị trường xuất khẩu của Công ty | 32 |



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang là một trong những nhà chế biến và xuất khẩu cá tra, cá basa đầu tiên tại Đồng bằng sông Cửu Long. Trải qua gần 30 năm phát triển, Công ty hiện nay là một trong những doanh nghiệp đứng đầu về kim ngạch xuất khẩu thủy sản, với năng lực chế biến đạt trên 30.000 tấn thành phẩm/năm, ngoài thị trường xuất khẩu chính là Mỹ, Công ty còn xuất sang các thị trường Nhật; Châu Âu; Úc và một số thị trường tiềm năng khác như Nga; Trung Đông; Trung và Nam Mỹ.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu nhiều yếu tố tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc sản xuất, chế biến, xuất khẩu, tình hình tài chính và triển vọng phát triển của Công ty. Agifish luôn có các chính sách phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh xuyên suốt trong quá trình hoạt động của mình. Những yếu tố rủi ro đó bao gồm:

1. Rủi ro về kinh tế

Năm 2012 là một năm khó khăn của nền kinh tế Việt Nam vì tiếp tục bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn của kinh tế thế giới do khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công Châu Âu, suy thoái trong khu vực đồng Euro cùng với khủng hoảng tín dụng và tình trạng thất nghiệp gia tăng tại các nước thuộc khu vực này. Hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu vì thế cũng bị tác động mạnh, giá cả hàng hóa biến động. Tăng trưởng của các nền kinh tế lớn suy giảm kéo theo sự sụt giảm của các nền kinh tế khác. Những bất lợi từ sự sụt giảm của kinh tế thế giới ảnh hưởng xấu đến hoạt động đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh và thu nhập trong nước. Thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, hàng tồn kho ở mức cao, sức mua hạn chế, tỷ lệ nợ xấu tại các ngân hàng trong nước ở mức đáng lo ngại, gây ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế. Nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thu hẹp sản xuất, hoạt động cầm chừng hoặc giải thể. Trước tình hình đó, Agifish xác định các rủi ro có thể ảnh hưởng tới Công ty và đề ra giải pháp khắc phục như sau:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế sụt giảm:

Tốc độ tăng GDP năm 2012 đạt hơn 5,03%, đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây, thấp hơn mức tăng 5,89% của năm 2011 và chỉ cao hơn so với tốc độ tăng trưởng 4,77% năm 1999. Nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp khó khăn, với mục tiêu ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô thì mức tăng như vậy là hợp lý. Tuy nhiên, sự suy giảm kinh tế ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản, hoạt động kinh doanh của Công ty vì thế cũng sẽ bị ảnh hưởng.

Bảng sau cho thấy tốc độ tăng trưởng GDP và tốc độ tăng trưởng của các ngành quan trọng; mức độ đóng góp vào tăng trưởng GDP tính theo điểm phần trăm của từng ngành.

Bảng 1: Tăng trưởng GDP, 2011 – 2012 (%)

| | Năm 2011 | Năm 2012 |
|----------------------------------|----------|----------|
| 1. <i>Tốc độ tăng trưởng (%)</i> | | |
| GDP | 5,89 | 5,03 |
| Nông, lâm nghiệp và thủy sản | 4,01 | 2,72 |
| Công nghiệp và xây dựng | 5,53 | 4,52 |



| | Năm 2011 | Năm 2012 |
|---|-------------|-------------|
| Dịch vụ | 6,99 | 6,42 |
| 2. Đóng góp vào tăng trưởng GDP tính theo điểm phần trăm | | |
| GDP | 5,89 | 5,03 |
| Nông, lâm nghiệp và thủy sản | 0,66 | 0,44 |
| Công nghiệp và xây dựng | 2,32 | 1,89 |
| Dịch vụ | 2,91 | 2,70 |

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong bối cảnh tình hình kinh tế khó khăn và sự đi xuống của toàn ngành, Agifish tiếp tục tái cấu trúc công ty từ bộ máy quản lý đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Hàng loạt các chính sách quản lý về chất lượng, cải tiến quy trình sản xuất nhằm giảm định mức tiêu hao nguyên liệu, vật tư bao bì tiến tới hạ giá thành sản phẩm được áp dụng, kết hợp làm tốt công tác thị trường nên đã đảm bảo doanh thu, kim ngạch xuất khẩu cũng như tạo việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định cho cán bộ quản lý và công nhân lao động.

Rủi ro lạm phát

Từ mức lạm phát 2 con số, Chính phủ đã điều hành chính sách để kiềm chế lạm phát năm 2012 ở mức 6,81% và đặt kế hoạch kiểm soát tỷ lệ lạm phát năm 2013 ở mức 7 – 8%. Giá thành cá nguyên liệu và chi phí nhân công là hai yếu tố chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty. Trong trường hợp nền kinh tế có nhiều biến động bất thường, lạm phát tăng cao hơn dự kiến, chi phí nuôi cá và thu mua cá của Công ty có thể cao hơn kế hoạch, ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Bên cạnh đó, nếu lạm phát tăng cao, Công ty sẽ phải tăng lương để hỗ trợ người lao động và làm chi phí sản xuất tăng lên đáng kể.

Tuy nhiên, lạm phát 4 tháng đầu năm đang có chiều hướng tốt. CPI tháng 4/2013 chỉ tăng 6,61% so với cùng kỳ năm trước và 2,41% so với tháng 12/2012, do đó, khả năng lạm phát cả năm 2013 nằm trong kế hoạch của Chính phủ là tương đối khả thi.

Rủi ro lãi suất

Công ty luôn có nhu cầu sử dụng vốn vay ngắn hạn từ ngân hàng để đáp ứng các nhu cầu vốn lưu động. Công ty đang triển khai vùng nuôi tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long với mật độ 3 vụ thu hoạch trong 2 năm. Công ty cần nguồn vốn lưu động nhất định để vận hành vùng nuôi. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên mua cá từ nông dân và thanh toán tiền mua cá trong thời gian ngắn. Bất cứ biến động tăng nào trong chi phí lãi vay cũng sẽ ảnh hưởng đến giá vốn hàng bán của Công ty, làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa cũng như tỷ suất lợi nhuận của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty có thể mạnh riêng của mình, bao gồm nguồn doanh thu ổn định bằng ngoại tệ, thương hiệu mạnh, khả năng bán hàng tốt, do đó, AGF có một số thế mạnh đàm phán đối với các ngân hàng để có thể đạt được mức lãi vay phù hợp nhất với kế hoạch kinh doanh của mình.

Rủi ro tỷ giá

Trong những năm vừa qua, tỷ giá thường tăng và đóng góp tương đối vào tốc độ tăng trưởng doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, tỷ giá tăng cũng sẽ ảnh hưởng đến giá thức ăn chăn nuôi, vốn



phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Do vậy, tỷ giá tăng cao cũng sẽ có tác động tích cực đến doanh thu nhưng lại tác động tiêu cực đến giá thành chế biến, và ngược lại.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời hoạt động trong lĩnh vực thủy sản, do đó, Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thủy sản, Luật Thương mại, các Luật về Thuế,... và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, sản phẩm thủy sản của Agifish được xuất khẩu chủ yếu qua các thị trường Mỹ, Nhật, Châu Âu và Úc. Hoạt động xuất khẩu của Công ty phần lớn chịu sự điều chỉnh của các chính sách, luật và các quy định khác do chính phủ và các cơ quan địa phương khác ban hành tại quốc gia mà Công ty xuất khẩu. Vào từng thời điểm, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể ban hành các quy định mới điều chỉnh các hoạt động này. Phụ thuộc vào cơ quan nhà nước hoặc cách thức đơn và cách thức vụ việc được đệ trình lên các cơ quan này, Agifish có thể nhận được sự giải thích luật và các quy định kém ưu đãi hơn so với các đối thủ cạnh tranh, hoặc Agifish có thể nhận được sự giải thích mâu thuẫn với cách giải thích của Công ty. Sự không rõ ràng này có thể hạn chế sự bảo vệ dưới luật Agifish có thể được hưởng và có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh, triển vọng, điều kiện tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty.

Agifish đã tổ chức bộ máy thường xuyên cập nhật các văn bản pháp lý để kịp thời dự báo và giúp Công ty có sự chuẩn bị nhằm thích ứng với những thay đổi của chính sách.

3. Rủi ro do đặc thù

Thị trường xuất khẩu: Công ty chủ yếu xuất khẩu vào các thị lớn như Mỹ, Nhật, Châu Âu và Úc. Đây là những thị trường có tốc độ tăng trưởng tốt và mức lợi nhuận cao. Tuy nhiên, quy định về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của những thị trường này khá khắt khe. Công ty phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn nhất định và những tiêu chuẩn này thường xuyên thay đổi theo hướng ngày càng nghiêm ngặt hơn. Bên cạnh đó, chính sách bảo hộ người nuôi trồng thủy sản tại các nước nhập khẩu dẫn tới các vụ kiện chống bán phá giá cũng là một trong những yếu tố làm thu hẹp thị trường xuất khẩu, qua đó, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Agifish đang áp dụng các hệ thống quản lý: HACCP; ISO 17025: 2005; Global Standard For Food Safety (BRC); HALAL; ASC vào trong toàn bộ quá trình nuôi trồng và sản xuất để luôn đảm bảo cung cấp những sản phẩm chất lượng. Công ty luôn cập nhật các thay đổi và những quy định mới về tiêu chuẩn chất lượng để kịp thời chuẩn bị và đáp ứng về hệ thống, cũng như có chính sách điều chỉnh phù hợp cơ cấu thị trường xuất khẩu của Công ty.

Thuế chống phá giá: Mỹ là thị trường quan trọng của Công ty, đóng góp trên 40% vào tổng doanh thu xuất khẩu hàng năm. Các sản phẩm thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Mỹ thường phải trải qua các đợt xem xét mức thuế chống bán phá giá định kỳ. Bất cứ sự tăng



thuế nào cũng làm giảm sức cạnh tranh của Công ty, do Công ty sẽ phải tăng giá bán theo một mức độ nào đó để bảo đảm mức lợi nhuận cho Công ty.

Nguyên vật liệu: Cá tra, cá basa là nguồn nguyên liệu chính của Agifish, được cung cấp từ (i) các vùng nuôi của Công ty; (ii) hợp tác nuôi với một số hộ nuôi lâu năm có kỹ thuật, kinh nghiệm và năng lực tài chính và (iii) ký hợp đồng mua cá từ người nuôi. Việc đối mặt với sự cạnh tranh thu mua nguyên liệu từ các đơn vị khác. Những biến động về giá và sự khan hiếm nguồn nguyên liệu, gây ra sự tăng giá nguyên liệu sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty xây dựng chính sách dự trữ hợp lý để giảm rủi ro thiếu hụt nguồn nguyên liệu.

Nguồn nhân lực: Các công ty chế biến thủy sản luôn cần một đội ngũ lao động khá lớn so với các công ty khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất và chế biến. Sự biến động về nguồn cung ứng lao động trong lĩnh vực này thường xuyên diễn ra ở mức độ cao. Để giảm thiểu rủi ro thiếu hụt lao động, Công ty luôn có những chính sách đãi ngộ thích hợp đối với cán bộ công nhân viên, tạo môi trường làm việc và phúc lợi tốt nhất. Đồng thời thường xuyên tuyển dụng và đào tạo nâng cao trình độ tay nghề.

Sức ép cạnh tranh: Việt Nam hiện nay đóng góp khoảng 95% sản lượng cá tra toàn cầu với 160 doanh nghiệp hoạt động trong ngành. 160 doanh nghiệp này thường cạnh tranh gay gắt với nhau, nên mặc dù VASEP đã có quy định mức giá sàn, nhiều doanh nghiệp vẫn chủ động hạ giá bán thấp hơn để cạnh tranh, ảnh hưởng đến giá xuất khẩu của AGF nói riêng và ngành xuất khẩu cá tra của cả nước nói chung.

4. Rủi ro của đợt chào bán và của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết, điều này sẽ gây ảnh hưởng đến kế hoạch tài trợ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh như dự kiến. Trong trường hợp cổ phiếu không được mua hết, số tiền thu về không đủ để tài trợ cho mục đích chào bán, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn vay để bổ sung. Ngoài ra, HĐQT đã ủy quyền cho HĐQT phân phối số lượng cổ phiếu không được cổ đông đặt mua hết cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

5. Rủi ro pha loãng

Trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS (Earning Per Share); (ii) giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iii) tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Về EPS và giá trị sổ sách

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty, cụ thể như sau:



Thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS:

| Công thức tính: | EPS (cơ bản) | = | $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế Thu nhập Doanh nghiệp}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$ |
|--|--------------|---|---|
| ▪ Số lượng cổ phần của AGF: | (1) | | 12.859.288 |
| ▪ Số lượng cổ phần chào bán của AGF: | (2) | | 12.859.288 |
| ▪ Tỷ lệ pha loãng: | - | | 50% |
| ▪ Số lượng cổ phần dự kiến sau khi chào bán: | (3)=(1)+(2) | | 25.718.576 |
| ▪ Lợi nhuận sau thuế năm 2012: | (4) | | 33.960.534.179 |
| ▪ EPS trước khi chào bán: | (5)=(4)/(1) | | 2.641 |
| ▪ EPS sau khi chào bán: | (6)=(4)/(3) | | 1.320 |

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần:

| Công thức tính: | Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần | = | $\frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ}}$ |
|--|-------------------------------------|---|---|
| ▪ Tại thời điểm 31/03/2013, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty là 52.854 đồng. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành (tối đa 100% và với giả định không mua cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm. | | | |

Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

Về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm

- Trong trường hợp này giá tham chiếu của cổ phiếu ngày không hưởng quyền mua cổ phiếu mới (P_{tc}) được tính theo công thức:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

- Trong đó:

- ✓ P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn, đây là giá cần xác định
- ✓ PR_{t-1} : là giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền
- ✓ I : là tỷ lệ vốn tăng
- ✓ PR : là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới.



▪ Tham khảo:

- ✓ PR_{t-1} : Giá sử giá cổ phiếu AGF tại thời điểm phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền là 35.000 đồng/cổ phiếu.
- ✓ I : Tỷ lệ vốn tăng là 100% (tỷ lệ 1:1)
- ✓ PR : Giá cổ phiếu mới phát hành cho cổ đông giữ quyền mua trong đợt phát hành mới là 12.000 đồng/cổ phiếu
- ✓ P_{tc} : Giá tham chiếu cổ phiếu AGF trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I} = \frac{35.000 + (100\% \times 12.000)}{1 + 100\%} = 23.500 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

6. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như bão lụt, hỏa hoạn, động đất, chiến tranh, dịch bệnh.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang

Ông Ngô Phước Hậu

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Ký

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Minh Thống

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông Lê Nam Hải

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Ông David Charles Kadarauch Chức vụ: Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

| | |
|-------------------------------|--|
| ▪ SKHĐT: | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang |
| ▪ UBCK: | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| ▪ HOSE: | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| ▪ VSD: | Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam – CN Tp. HCM |
| ▪ Tổ chức phát hành: | Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang |
| ▪ Công ty: | Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang |
| ▪ Agifish: | Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang |
| ▪ AGF: | Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang |
| ▪ ĐHĐCĐ: | Đại hội đồng cổ đông |
| ▪ HĐQT: | Hội đồng Quản trị |
| ▪ BTGD: | Ban Tổng Giám đốc |
| ▪ BKS: | Ban Kiểm soát |
| ▪ Điều lệ Công ty: | Điều lệ Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang |
| ▪ ĐKKD: | Đăng ký kinh doanh |
| ▪ SXKD: | Sản xuất kinh doanh |
| ▪ BCTC: | Báo cáo tài chính |
| ▪ CTCP: | Công ty Cổ phần |
| ▪ XNK: | Xuất Nhập Khẩu |
| ▪ CP: | Cổ phần |
| ▪ HĐ: | Hợp đồng |
| ▪ XN: | Xí Nghiệp |
| ▪ NĐT: | Nhà đầu tư |
| ▪ VND: | Việt Nam đồng |
| ▪ VASEP: | Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam |
| ▪ Thuế Thu nhập doanh nghiệp: | Thuế TNDN |
| ▪ Thuế Thu nhập cá nhân: | Thuế TNCN |



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Thông tin chung

- Tên Doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG
- Tên tiếng Anh : Angiang Fisheries Import Export Joint Stock Company
- Tên viết tắt : AGIFISH Co.
- Trụ sở chính : 1234 Trần Hưng Đạo, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
- Điện thoại : (84.76) 3 852 939
- Fax : (84.76) 3 852 202
- Website : www.agifish.com.vn
- Email : agifish.co@agifish.com.vn
- Nơi mở tài khoản :

| STT | Ngân hàng giao dịch | Số tài khoản | Ghi chú |
|-----|---|------------------|---------|
| 1 | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang | 015.100.000.6120 | VND |
| 2 | Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh An Giang | 070.002.010.117 | VND |

- Vốn điều lệ hiện tại: **128.592.880.000 đồng** (Một trăm hai mươi tám tỷ năm trăm chín mươi hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

| TT | Ngành nghề kinh doanh | Mã ngành |
|----|--|----------------|
| 1 | Sản xuất, chế biến và mua bán thủy, hải sản đông lạnh, thực phẩm | 151 |
| 2 | Sản xuất và mua bán thuốc thú y, thủy sản | 24232 - 242320 |
| 3 | Dịch vụ kho vận, cho thuê kho lạnh, kiểm tra hàng, cân hàng hóa thủy sản | 63121 - 631210 |
| 4 | Mua bán cá và thủy sản | 51243 - 512430 |

- Sản phẩm/dịch vụ chính: (i) Sản phẩm cá tra, cá basa; (ii) Sản phẩm từ phụ phẩm; (iii) Sản phẩm từ thuốc thú y thủy sản; (iv) Cung cấp dịch vụ và (v) hoạt động khác.

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Năm 1987

Tiền thân là Xí nghiệp Đông lạnh An Giang được xây dựng từ năm 1985 do Công ty Thủy sản An Giang đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị và chính thức đi vào hoạt động vào tháng 3 năm 1987.

Năm 1990



Năm 1990 Công ty Thủy sản An Giang bị giải thể nên Xi nghiệp Đông lạnh An Giang được sáp nhập vào Công ty Xuất Nhập Khẩu Nông Thủy sản An Giang (AFIEX) và đổi tên thành Xi nghiệp Xuất khẩu Thủy sản, được phép hạch toán theo cơ chế tự hạch toán hiệu quả, tự cân đối đầu vào và tìm kiếm thị trường xuất khẩu, xây dựng cơ cấu sản phẩm phù hợp với lĩnh vực hoạt động và khai thác tiềm năng nguyên liệu của địa phương.

▪ **Năm 1995**

Tháng 10 năm 1995, Công ty Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang được thành lập trên cơ sở sáp nhập Xi nghiệp Xuất khẩu Thủy sản (trực thuộc Công ty AFIEX) và Xi nghiệp Đông lạnh Châu Thành (trực thuộc Công ty Thương nghiệp An Giang - AGITEXIM)

▪ **Năm 1999**

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang (AGIFISH) được cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang theo Quyết định số 792/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 28/06/2001. Agifish được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/06/1999.

▪ **Năm 2001**

Ngày 28/07/2001, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông đầu tiên và đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, các phương án hoạt động kinh doanh của Công ty, bầu ra Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ đầu tiên 2001 – 2002.

Ngày 01/09/2001, Agifish chính thức hoạt động theo dưới hình thức Công ty Cổ phần

▪ **Năm 2002**

Agifish chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh với vốn điều lệ ban đầu là 42 tỷ đồng và là một trong những công ty thủy sản đầu tiên giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tính đến thời điểm hiện nay vốn điều lệ của Agifish đạt được 128 tỷ đồng.

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty Agifish đã đạt được những thành tích nổi bật như:

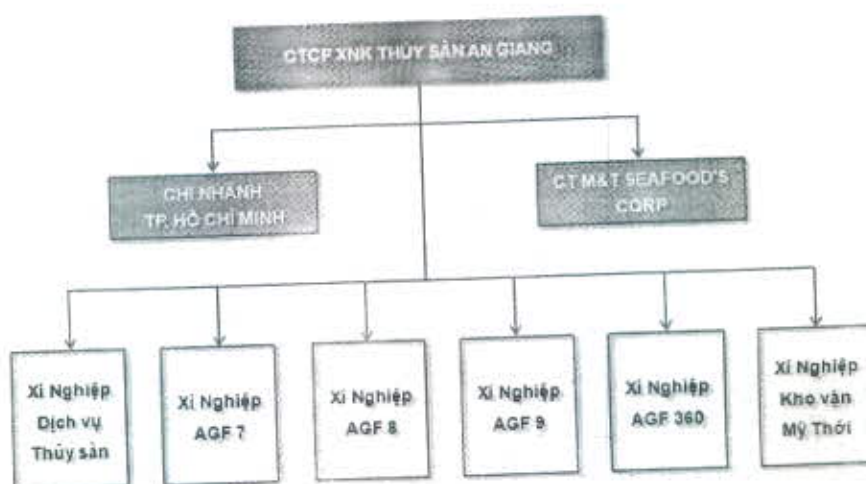
- **Năm 1987:** Huân chương lao động hạng 3 do Chủ tịch nước trao tặng
- **Năm 1995:** Agifish được ghi nhận có nhiều thành tích trong việc đầu tư nghiên cứu sinh sản nhân tạo cá basa, cá tra. Hoạt động này được hợp tác với trường Đại học Cần Thơ và Trung tâm hợp tác quốc tế về nghiên cứu nông nghiệp phục vụ phát triển – CIRAD (Pháp).
Ngày 20/05/1995: Công ty đã cho ra đời sản phẩm công nghệ cá basa sinh sản nhân tạo đầu tiên trên thế giới tại Khoa Thủy sản của Trường Đại học Cần Thơ.
- **Năm 1996:** Agifish được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với 4 code: DL07, DL08, DL09, DL360
- **Năm 1996 – 2000:** Là lá cờ đầu của ngành thủy sản và được Chính phủ trao tặng cờ Luân lưu
- **Năm 1997:** Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP, GMP, SSOP
- **Năm 2000:** Danh hiệu Anh hùng Lao động do Chủ tịch nước trao tặng, và trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong ngành thủy sản
- **Năm 2001:** thành viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP),



- **Năm 2002:** Agifish áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất: HACCP, ISO 9001:2008, Global Standard For Food Safety (BRC), ISO 17025:2005, ISO 14001:2004
Được tổ chức Quốc tế SGS công nhận hợp chuẩn hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000
- **Năm 2003:** là thành viên của Hiệp hội nghề nuôi và chế biến thủy sản An Giang (AFA).
Các sản phẩm chế biến của Công ty đã được đại diện Ban Hồi Giáo tại Việt Nam cấp chứng nhận HALAL mở ra một thị trường tiêu thụ mới cho cộng đồng người Hồi giáo trong và ngoài nước.
- **Năm 2003 – 2004:** Công ty được Thời báo Kinh tế Việt Nam và Triển lãm Thương hiệu Việt Nam bình chọn là thương hiệu mạnh trong năm 2004.
Công ty được tặng thưởng cờ thi đua của Chính phủ trong việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh doanh góp phần vào sự phát triển chung của ngành thủy sản Việt Nam
- **Năm 2005:** Công ty được công nhận hợp chuẩn các hệ thống quản lý chất lượng Safe Quality Food 1000 (SQF1000), Safe Quality Food 2000 (SQF2000), British Retail Consortium (BRC). Ngoài ra, Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm (BINH DUC SEAFOOD) được cấp chứng Code EU: DL360. Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống xử lý nước thải công suất 800m3/ngày đêm tại Xí nghiệp đông lạnh 8.
- **Năm 2008, 2010, 2012:** Là doanh nghiệp duy nhất trong ngành thủy sản được tặng danh hiệu "Thương hiệu Quốc Gia".
- **Năm 2003 – 2013:** Liên tục đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao trong 10 năm do người tiêu dùng bình chọn.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

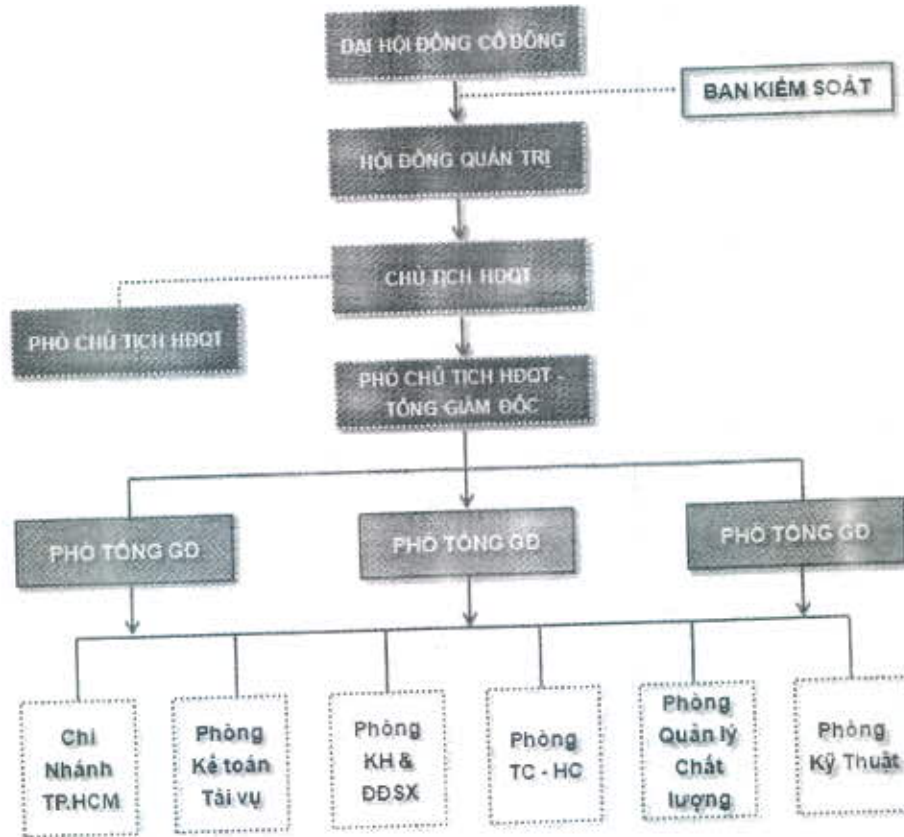
Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty





3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



❖ Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của Hội đồng Quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu ra Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty.

❖ Hội đồng Quản trị:

Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ Đại hội, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. HĐQT nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty.

HĐQT có nhiệm kỳ tối đa là 5 năm và có thể được bầu lại tại cuộc họp ĐHĐCĐ tiếp theo. HĐQT do ĐHĐCĐ của CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang bầu. Hội đồng Quản trị hiện tại gồm sáu (06) người, trong đó có một Chủ tịch Hội đồng Quản trị, hai phó Chủ tịch và ba thành viên. Hội đồng Quản trị có các trách nhiệm chính như sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;



- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc/Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc/Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

❖ **Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ của Công ty bầu. Hiện tại, Ban Kiểm soát gồm (03) ba thành viên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 5 năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trách nhiệm chính của Ban Kiểm soát là kiểm tra tính hợp lý, tính hợp pháp của các hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành và báo cáo tài chính của CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang.

❖ **Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc Công ty bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc đều do HĐQT bổ nhiệm. Hiện tại, Công ty có một Tổng Giám đốc và ba phó Tổng Giám đốc, các thành viên đều tham gia làm việc toàn thời gian cho Công ty. Trách nhiệm chính của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc là:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết;
- Tham khảo ý kiến HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách như kế hoạch tài chính năm;
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua.

❖ **Các Chi nhánh:**

Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của Công ty, có nhiệm vụ thực hiện một phần chức năng và phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của Công ty. Cơ cấu bộ máy quản lý của chi nhánh gồm Giám đốc chi nhánh, các Phó giám đốc chi nhánh, trưởng các phòng, ban, bộ phận.



❖ Văn phòng đại diện:

Không có

❖ Các Phòng, Ban – Đơn vị kinh doanh:

Phòng Kế toán Tài vụ:

Tổ chức bộ máy kế toán, quản lý tài chính của Công ty, lập sổ sách, hạch toán, báo cáo số liệu kế toán, trực tiếp công tác kế toán cho hai Xí nghiệp đông lạnh.

Phòng Kế hoạch và Điều độ sản xuất:

Lập kế hoạch sản xuất cho các xí nghiệp, hoàn thành các thủ tục xuất khẩu, lập kế hoạch kinh doanh cho Công ty.

Phòng Tổ chức Hành chính:

Quản lý điều hành công tác hành chính tổ chức của Công ty, theo dõi, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động

Phòng Quản lý Chất lượng:

Quản lý chất lượng sản phẩm và môi trường, xây dựng công nghệ chế biến các sản phẩm mới, nghiên cứu cải tạo, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường, lập kế hoạch quản lý chất lượng cho Công ty.

Phòng Kỹ thuật:

Vận hành và sửa chữa toàn bộ hệ thống các máy móc thiết bị của toàn Công ty.

Xí nghiệp Dịch vụ Thủy sản:

Nuôi trồng và quản lý toàn bộ hệ thống vùng nuôi của Công ty. Ngoài ra xí nghiệp còn có chức năng kinh doanh thức ăn và thuốc thú y thủy sản.

Xí nghiệp AGF7, AGF8, AGF9:

Sản xuất fillet đông lạnh.

Xí nghiệp AGF360:

Sản xuất các mặt hàng giá trị gia tăng.

Xí nghiệp Kho vận Mỹ Tho:

Tồn trữ, bảo quản thành phẩm đông lạnh của Công ty; Dịch vụ cho thuê kho

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan

- Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 15/03/2013

| TT | Tên cổ đông | Địa chỉ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|----|----------------------------|---|-------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Hùng Vương | Lô 44, Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang | 51,08% |

**BẢN CÁO BẠCH****CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG**

| | | | |
|---|---|---|--------|
| 2 | Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình | 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh | 20,22% |
| 3 | Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước | Số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội | 8,19% |

Danh sách cổ đông là người có liên quan:

Theo quy định tại khoản 34 điều 6 Luật Chứng khoán thì người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Công ty mẹ, công ty con;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

Bảng 3: Danh sách cổ đông là người có liên quan tại ngày 15/03/2013

| Tên cổ đông | Mối quan hệ | Địa chỉ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|--|-----------------------------------|---|-------------------|
| I. Có liên quan với Ông Dương Ngọc Minh – Phó Chủ tịch HĐQT | | | |
| 1. Công ty Cổ phần Hùng Vương | Phó Chủ tịch HĐQT đại diện sở hữu | Lô 44, Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang | 51,08% |
| II. Có liên quan với Ông Phú Thanh Danh – Thành viên HĐQT | | | |
| 1. Bà Châu Ngọc Bích | Vợ | B2-94 Hưng Thái, P. Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh | 0,14% |
| III. Có liên quan với Ông Nguyễn Văn Khải – Thành viên HĐQT | | | |
| 1. Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình | TVHĐQT đại diện sở hữu | 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh | 20,22% |

Nguồn: Agifish

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp “trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”.



Đến thời điểm hiện nay, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực. Do đó, danh sách cổ đông sáng lập sẽ không liệt kê dưới đây, theo quy định của Phụ lục 02A Mẫu Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng, ban hành kèm thông tư số 204/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012.

4.3 Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt danh sách gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 15/03/2013

| TT | Danh mục | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|---------------------|-----------------------------|-------------------|-------------------|
| I (I)=(II)+(III) | Tổng số vốn thực góp | 12.859.288 | 100,00% |
| II | Trong nước | 12.481.210 | 97,06% |
| 1 | Cá nhân | 2.048.266 | 15,93% |
| 2 | Tổ chức | 10.432.944 | 81,13% |
| III | Nước ngoài | 378.078 | 2,94% |
| 1 | Cá nhân | 142.338 | 1,11% |
| 2 | Tổ chức | 235.740 | 1,83% |

Nguồn: Agifish

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:

5.1 Danh sách những công ty mẹ của Công ty

CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang có 01 công ty mẹ

| TT | Tên công ty mẹ | Địa chỉ | Ngày thành lập | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----|----------------------------|--|----------------|------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Hùng Vương | Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam | 15/01/2007 | 51,08 |

5.2 Danh sách những công ty con của Công ty

CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang có 01 công ty con

| TT | Tên công ty con | Địa chỉ | Ngày mua | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----|----------------------------|--|------------|------------------|
| 1 | Công ty M&T Seafood's Corp | 224 Cheris Drive, San Joes City, California, USA | 31/12/2012 | 100 |

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu mối phân phối, xuất nhập khẩu, bán, tiếp thị các sản phẩm thủy hải sản, thực phẩm và các mặt hàng tổng hợp khác.

5.3 Danh sách những công ty liên doanh liên kết: Không có



- 5.4 Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có
- 5.5 Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối cổ phần đối với tổ chức phát hành: Không có
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Đơn vị tính: đồng

| Thời điểm | Giá trị vốn tăng | Vốn điều lệ | Phương thức | Đơn vị cấp |
|-------------------|------------------|-----------------|--|------------|
| Thành lập | | 41.791.300.000 | | |
| Lần 1: 01/2006 | 2.089.040.000 | 43.880.340.000 | Cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20:1 | SKHĐT |
| Lần 2: 07/2006 | 20.000.000.000 | 78.875.780.000 | Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược | SKHĐT |
| | 12.775.440.000 | | Phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5:1 | SKHĐT |
| | 2.220.000.000 | | Phát hành cho CBCNV | SKHĐT |
| Lần 2: 07/2007 | 15.774.100.000 | 128.592.880.000 | Cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5:1 | SKHĐT |
| | 3.943.000.000 | | Phát hành cho CBCNV | SKHĐT |
| | 30.000.000.000 | | Chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược | SKHĐT |

Nguồn: Agifish

7. Hoạt động kinh doanh**7.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm****❖ Mô tả các sản phẩm chính của Công ty**

Là một trong những doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản hàng đầu trong ngành, sản phẩm chủ đạo và mang lại nguồn thu nhiều nhất cho Công ty đến từ (i) mặt hàng cá tra và cá basa để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa; Tiếp theo là (ii) sản phẩm từ phụ phẩm; (iii) Sản phẩm từ thuốc thú y thủy sản; (iv) Mạng cung cấp dịch vụ và cuối cùng là (v) hoạt động khác.

a) Sản phẩm cá tra và cá basa:

- Cá tra và cá basa đông lạnh đang là sản phẩm chính và mang lại nguồn thu lớn nhất cho Agifish, hiện chiếm từ 67 - 81% tổng doanh thu của Công ty trong 3 năm trở lại đây, bao gồm việc tiêu thụ trong nước lẫn xuất khẩu.
- Sản phẩm cá tra và cá basa được chia thành nhiều loại dưới dạng cá fillet đông lạnh, cá cắt khúc, cá cắt miếng, cá cuộn hoa hồng, ... với nhiều kích cỡ khác nhau như: 60 - 120, 120 - 170, 170 - 220, 220 - 300, 300 - UP, 170 - UP (gr/miếng cá) trong đó phần thịt để làm ra thành phẩm cá tra và cá basa fillet đông lạnh chiếm 40 - 50% trọng lượng cá nguyên liệu.
- Sản phẩm giá trị gia tăng được Agifish chế biến từ các nguyên liệu cá tra cá basa



- Sản phẩm cá basa và cá tra được đóng gói dưới hai hình thức chính là đông rời (IQF) và đông khối (Block):

- ✓ Đông rời: cho 1 kg thành phẩm vào túi nhựa PE hàn kín miệng, xếp 10 túi cùng cỡ loại cho vào thùng Carton và dùng đai nẹp 2 ngang 2 dọc.
- ✓ Đông khối: cho mỗi khối 5 kg vào túi nhựa PE hàn kín miệng, xếp hai khối cùng cỡ loại cho vào thùng Carton và dùng đai nẹp 2 ngang 2 dọc.

Ngoài ra tùy theo yêu cầu của khách hàng, sản phẩm còn được đóng gói theo nhiều dạng khác nhau, ví dụ: 5kg/PE – 10kg/thùng, v.v... Bao bì sử dụng loại giấy carton, in nhãn hiệu phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) về quy định nhãn hiệu hàng hóa xuất khẩu.

b) *Sản phẩm từ phụ phẩm:*

Các phần còn lại của cá tra, cá basa sau khi đã lấy đi phần thịt nạc để xuất khẩu cũng khi tiêu thụ trong nước thì đầu xương, da, thịt vụn và mỡ. Tỷ lệ khối lượng phụ phẩm chiếm 50 – 70% khối lượng cá nguyên liệu. Phụ phẩm này chủ yếu được giao cho nhà thầu. Trong tương lai không xa Công ty sẽ hợp tác với vài đối tác chiến lược xây dựng nhà máy chế biến thành mỡ thực phẩm và bột cá nhằm làm tăng giá trị phụ phẩm và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

c) *Sản phẩm thuốc thú y thủy sản:*

Công ty mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, sản xuất và chế biến nguyên liệu thành thành phẩm thuốc thú y thủy sản phân phối cho các đơn vị cùng ngành.

Doanh thu từ mảng này chiếm tỷ lệ khá nhỏ trong tổng doanh thu, bình quân khoản 0,01%.

d) *Cung cấp dịch vụ:*

Ngoài những sản phẩm chủ đạo trên, Công ty còn cung cấp thêm dịch vụ kho vận, cho thuê kho lạnh, kiểm tra hàng, cân hàng hóa thủy sản, kiểm nghiệm chất kháng sinh cho các mặt hàng thủy sản.

e) *Hoạt động kinh doanh khác:*

Các hoạt động kinh doanh khác bao gồm hoạt động xuất nhập khẩu ủy thác các mặt hàng nông thủy sản (tôm, mực, nông sản thực phẩm) hóa chất, dụng cụ sản xuất. Sản xuất, kinh doanh thuốc thú y thủy sản; Kinh doanh thức ăn thủy sản.

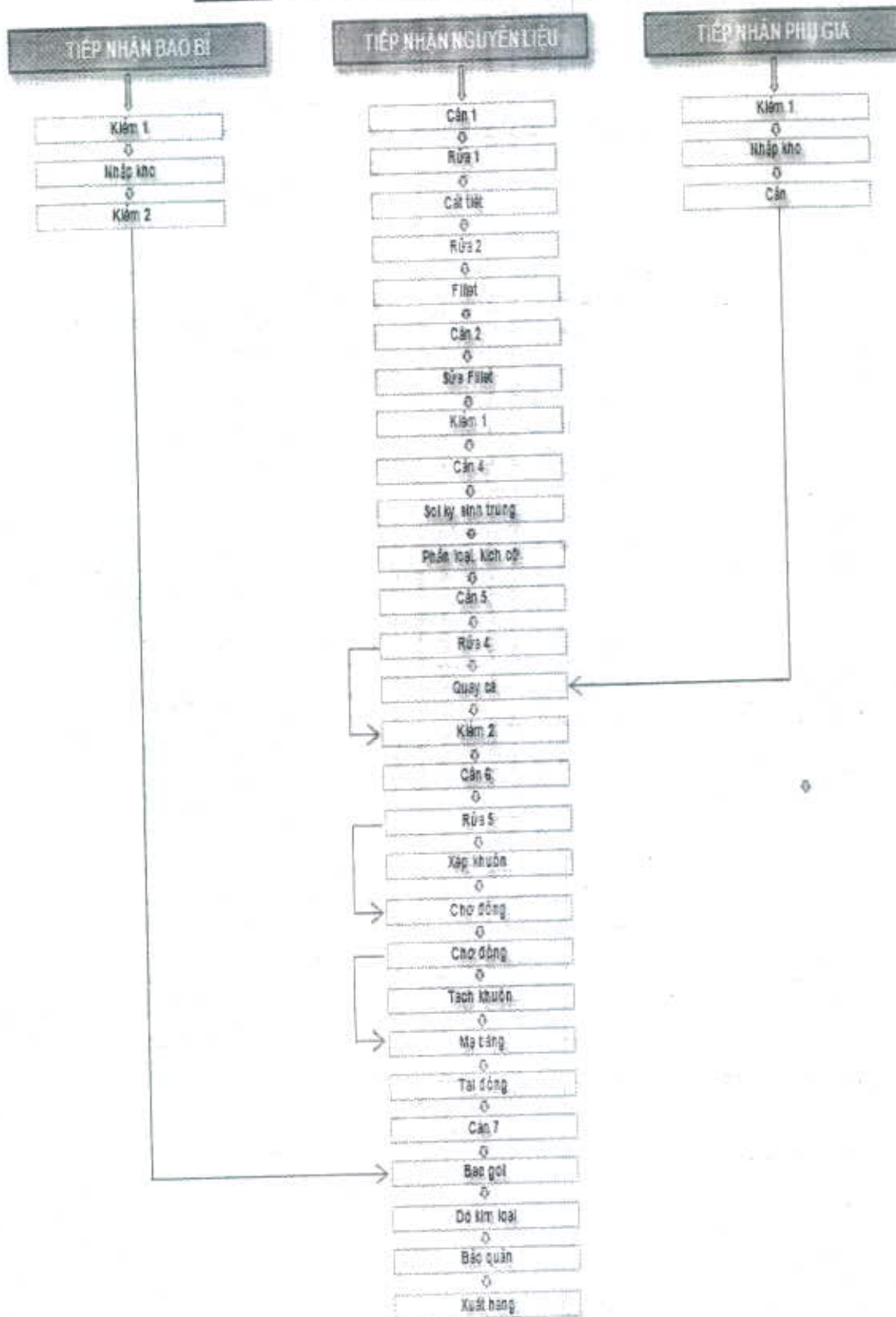
Quy trình sản xuất

- Agifish là một trong những công ty đầu tiên trong ngành thủy sản áp dụng mô hình sản xuất kinh doanh khép kín từ khâu sản xuất cá giống, phát triển sinh sản nhân tạo, nuôi cá bè, chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu và chế biến tận dụng tất cả các phụ phẩm của cá tra và cá basa.

Quy trình sản xuất của Công ty hiện nay như sau:



Sơ đồ 3: Quy trình sản xuất của Công ty



Nguồn: Agifish

❖ **Cơ cấu tổng doanh thu và lợi nhuận gộp các loại hình sản phẩm của Công ty****Bảng 5: Cơ cấu Doanh thu của Công ty**

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2011 | | Năm 2012 | | 3 tháng năm 2013 | |
|------------------|----------------------------|------------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| 1 | Bán cá xuất khẩu | 1.915.888 | 72,02% | 1.993.213 | 71,40% | 397.018 | 61,53% |
| 2 | Bán cá nội địa | 216.678 | 8,15% | 130.599 | 4,68% | 36.941 | 5,72% |
| 3 | Bán phụ phẩm | 257.844 | 9,69% | 247.466 | 8,87% | 73.385 | 11,37% |
| 4 | Bán thành phẩm thuốc thú y | 4.251 | 0,15% | 273 | 0,01% | 51 | 0,01% |
| 5 | Cung cấp Dịch vụ | 5.244 | 0,20% | 4.397 | 0,16% | 965 | 0,15% |
| 6 | Khác | 260.344 | 9,79% | 415.506 | 14,88% | 136.921 | 21,22% |
| Tổng cộng | | 2.660.249 | 100,00% | 2.791.454 | 100,00% | 645.281 | 100,00% |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, BCTC kiểm toán hợp nhất 2012 và BCTC hợp nhất Quý I/2013

Bảng 6: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2011 | | Năm 2012 | | 3 tháng năm 2013 | |
|------------------|----------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|------------------|----------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| 1 | Bán cá xuất khẩu | 315.865 | 88,24% | 316.124 | 90,68% | 63.239 | 89,18% |
| 2 | Bán cá nội địa | 31.752 | 8,87% | 17.814 | 5,11% | 3.891 | 5,49% |
| 3 | Bán phụ phẩm | (2) | 0,00% | 2.822 | 0,81% | 6 | 0,01% |
| 4 | Bán thành phẩm thuốc thú y | 349 | 0,10% | 15 | 0,00% | (3) | 0,00% |
| 5 | Cung cấp Dịch vụ | 2.527 | 0,71% | 2.160 | 0,62% | 390 | 0,54% |
| 6 | Khác | 7.453 | 2,08% | 9.682 | 2,78% | 3.389 | 4,78% |
| Tổng cộng | | 357.944 | 100,00% | 348.617 | 100,00% | 70.912 | 100,00% |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, BCTC kiểm toán hợp nhất 2012 và BCTC hợp nhất Quý I/2013

Cuối năm ngoái, AGF thành lập Công ty M&T Seafood's Corp tại Mỹ, 100% vốn của AGF nhằm phát triển thị trường Mỹ. Xét cả năm 2012 – thời điểm khó khăn nhất của ngành thủy sản bao gồm cả tôm và cá, có thể nói AGF cùng M&T hoạt động ổn định so với năm trước đó nhờ Công ty có quy trình sản xuất khép kín, đảm bảo các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về chất lượng và được khách hàng tin tưởng. Doanh thu tăng trưởng gần 5%, Lợi nhuận gộp chỉ tăng gần 1% (chủ yếu do giá thức ăn cho cá tăng 12%).

Xuất khẩu cá vẫn là mảng mang loại dòng tiền chủ yếu cho Công ty với tỷ trọng 71,4% tổng doanh thu và 90,7% Lợi nhuận gộp trong năm 2012. Ba tháng đầu năm nay doanh thu từ xuất khẩu cá của Công ty sụt giảm khoảng 17% do Công ty giảm sản lượng xuất khẩu sang Mỹ trong khoảng thời gian chờ kết quả của việc rà soát lại thuế chống bán phá giá của Bộ Thương mại Mỹ (DOC)



giai đoạn từ 01/08/2010 đến 31/07/2011. Phán quyết cuối cùng của DOC cho trường hợp AGF là Công ty không bị rà soát lại mức thuế chống bán phá giá (giữ nguyên mức 0,02 USD/kg), trong khi hầu hết các doanh nghiệp khác phải chịu mức thuế cao hơn trước rất nhiều (ví dụ các doanh nghiệp lớn như AVF phải chịu thuế 2,39 USD/kg, ANV 1,29 USD/kg so với mức thuế trước đó). Dự kiến công ty sẽ tăng cường sản lượng xuất sang Mỹ trong những tháng còn lại trong năm để tận dụng ưu thế về thuế chống bán phá giá thấp so với toàn ngành.

❖ **Cơ cấu tổng doanh thu và lợi nhuận gộp các loại hình sản phẩm của Công ty mẹ**

Bảng 7: Cơ cấu Doanh thu của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2011 | | Năm 2012 | | 3 tháng năm 2013 | |
|------------------|----------------------------|------------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| 1 | Bán cá xuất khẩu | 1.915.888 | 72,02% | 1.882.854 | 70,23% | 381.544 | 60,58% |
| 2 | Bán cá nội địa | 216.678 | 8,15% | 130.599 | 4,87% | 36.941 | 5,87% |
| 3 | Bán phụ phẩm | 257.844 | 9,69% | 247.466 | 9,23% | 73.385 | 11,65% |
| 4 | Bán thành phần thuốc thú y | 4.251 | 0,15% | 273 | 0,01% | 51 | 0,01% |
| 5 | Cung cấp Dịch vụ | 5.244 | 0,20% | 4.397 | 0,16% | 965 | 0,15% |
| 6 | Khác | 260.344 | 9,79% | 415.506 | 15,50% | 136.922 | 21,74% |
| Tổng cộng | | 2.660.249 | 100,00% | 2.681.095 | 100,00% | 629.808 | 100,00% |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, BCTC kiểm toán 2012 và BCTC Quý I/2013 của Công ty mẹ

Bảng 8: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2011 | | Năm 2012 | | 3 tháng năm 2013 | |
|------------------|----------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|------------------|----------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| 1 | Bán cá xuất khẩu | 315.865 | 88,24% | 275.078 | 89,43% | 58.322 | 88,37% |
| 2 | Bán cá nội địa | 31.752 | 8,87% | 17.814 | 5,79% | 3.891 | 5,90% |
| 3 | Bán phụ phẩm | (2) | 0,00% | 2.822 | 0,92% | 6 | 0,01% |
| 4 | Bán thành phần thuốc thú y | 349 | 0,10% | 16 | 0,01% | (3) | 0,00% |
| 5 | Cung cấp Dịch vụ | 2.527 | 0,71% | 2.160 | 0,70% | 390 | 0,59% |
| 6 | Khác | 7.453 | 2,08% | 9.682 | 3,15% | 3.389 | 5,13% |
| Tổng cộng | | 357.944 | 100,00% | 307.572 | 100,00% | 65.995 | 100,00% |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, BCTC kiểm toán 2012 và BCTC Quý I/2013 của Công ty mẹ



Xét riêng kết quả hoạt động của AGF mà không tính đến kết quả hoạt động của Công ty M&T Seafood's Corp, doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty giảm nhẹ, chủ yếu là do giá xuất khẩu của AGF cho M&T tương đối thấp, tạo điều kiện cho Công ty con hoạt động trong thời kỳ đầu thành lập. Vì vậy, với tỷ lệ sở hữu 100% vốn trong M&T Seafood, việc doanh thu của riêng AGF năm 2012 giảm nhẹ 5% so với năm 2011 không mang ý nghĩa hoạt động sản xuất kinh doanh của AGF bị suy giảm.

Trong năm 2012, doanh thu khác của AGF tuy chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu nhưng đã tăng 60% chủ yếu từ các hoạt động kinh doanh thức ăn cho cá, kinh doanh thuốc thú y và nguyên liệu cá. Nhận biết được xu hướng tăng giá và khan hiếm các nguyên liệu đầu vào, Công ty đã chủ động tăng sản lượng nhập khẩu nguyên liệu, một phần nhằm đảm bảo sự ổn định sản xuất và đáp ứng các đơn hàng, mặt khác kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận. Tuy nhiên, Công ty xác định mục tiêu chính vẫn tập trung vào việc xuất khẩu các sản phẩm cá tra thị trường nước ngoài.

7.2 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

❖ Phát triển vùng nuôi

Agifish hiện nay vận hành 04 nhà máy với tổng công suất thiết kế là chế biến 400 tấn cá nguyên liệu/ngày. AGF mới chỉ sử dụng hết 70 - 80% công suất thiết kế nhà máy, do đó, Công ty chưa có kế hoạch mở rộng công suất chế biến. Thay vào đó, AGF sẽ chú trọng phát triển vùng nuôi để kiểm soát chất lượng cá nguyên liệu tốt hơn, bảo đảm luôn có đầy đủ nguyên liệu để đáp ứng các đơn đặt hàng và hạn chế những rủi ro vi phạm các tiêu chuẩn về an toàn và bảo vệ môi trường. Sản phẩm cá tra của Công ty phải vượt qua được các yêu cầu nghiêm ngặt về tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm của các nước nhập khẩu, đồng thời tiết giảm chi phí sản xuất để nâng cao sức cạnh tranh và lợi nhuận cho cổ đông Công ty.

Tính đến tháng 3 năm 2013, Công ty đã thuê 121 ha đất với 79,5 ha mặt nước. Vùng nguyên liệu của Công ty hiện nay mới chỉ đáp ứng được từ 40% đến 50% nhu cầu cá nguyên liệu phục vụ sản xuất hàng năm, do đó, Công ty vẫn phải thu mua cá từ các hộ nông dân trong vùng. Từ cuối năm 2013 Công ty tăng cường nuôi trồng đáp ứng nhu cầu nguyên liệu khoảng 70%.

Việc lệ thuộc vào nguồn cá nguyên liệu bên ngoài có một số điểm hạn chế, bao gồm:

- Chất lượng nguyên liệu mua ngoài có thể không đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế như Global Gap, ASC.
- Nguồn cung có thể không ổn định, nông dân có thể tạm dừng việc nuôi cá khi giá thành nuôi cá tăng cao hơn giá bán.
- Chi phí mua ngoài có thể cao hơn giá thành nuôi cá của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

Xác định những rủi ro trên, Công ty đã có chiến lược đẩy mạnh phát triển vùng nuôi để chủ động hơn về nguồn nguyên liệu đầu vào và kiểm soát tốt hơn giá thành chế biến. Trước tình trạng nông dân treo ao, ngừng nuôi cá do giá bán cá thấp hơn giá thành, công ty đã thuê lại các ao nuôi này để tiến hành thả cá theo các tiêu chuẩn nghiêm ngặt của mình để bảo đảm các yêu cầu về chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường của nhiều đối tác nước ngoài. Tiền thuê ao sẽ được tính



trên cơ sở một mức phí cố định trên mỗi kilogram cá thu hoạch được. Việc thuê ao giúp Công ty tiết kiệm được nhiều khoản đầu tư cho cơ sở hạ tầng.

Cụ thể, AGF đang thuê khoảng 79,5 ha mặt nước với sản lượng hàng năm vào khoảng 47.726 tấn cá. Theo các thỏa thuận ký kết đang có hiệu lực, AGF sẽ phải thanh toán 250.000 đồng cho mỗi tấn cá, tương đương 14,90 tỷ đồng cho toàn bộ vùng nuôi của mình trong một năm. Công ty có thể triển khai 3 vụ nuôi cá trong hai năm.

Ngoài chi phí thuê ao, công ty cần một lượng vốn lưu động khá lớn để tiến hành việc nuôi cá, bao gồm mua con giống, thức ăn chăn nuôi, các loại thuốc thú y cần thiết,... trong đó, thức ăn là chi phí lớn nhất, chiếm 80% giá thành chăn nuôi. Nhu cầu vốn cho việc nuôi cá là tương đối lớn, nhưng Công ty có thể nhanh chóng thu hồi vốn sau vụ cá, do AGF có thị trường tiêu thụ các sản phẩm cá tra khá rộng lớn. Theo dữ liệu của Công ty, chi phí nuôi cho mỗi ha mặt nước với sản lượng 500 tấn vào khoảng 11 đến 12 tỷ đồng. Chi phí nuôi có thể biến động nếu giá thức ăn thay đổi, do chi phí thức ăn chiếm 80% giá thành nuôi cá. Với 79,5 ha diện tích mặt nước, AGF cần đầu tư khoảng 900 tỷ đồng cho mỗi vụ cá. Khoản đầu tư tuy lớn, nhưng giải ngân theo tiến độ và Công ty sẽ nhanh chóng thu hồi vốn sau khi thu hoạch cá, chế biến và xuất khẩu. Do có hoạt động kinh doanh ổn định, lại có nguồn thu ngoại tệ, AGF có khả năng vay vốn ngắn hạn từ ngân hàng và các đối tác thương mại để tài trợ cho vùng nuôi của mình.

Việc tự cung cấp được một phần nguyên vật liệu đầu vào giúp Công ty ổn định hơn giá cả đầu vào, minh chứng qua tỷ suất lợi nhuận gộp của AGF trong giai đoạn từ 2009 đến 2012. Năm 2009, biên lợi nhuận gộp của AGF chỉ là 7,9%, nhưng khi chủ động tự cung tự cấp cá nguyên liệu, biên lợi nhuận gộp đã được nâng lên 11,4% năm 2010, 13,5% năm 2011. Năm 2012, ngành thủy sản gặp khó do giá thức ăn tăng cao, nông dân treo ao, nguồn cung sụt giảm, nhưng AGF vẫn duy trì được tỉ suất lợi nhuận gộp ở mức 12,5% nhờ tự chủ được nguồn cá nguyên liệu.

❖ **Nâng cấp trang thiết bị cơ sở chế biến:**

Ngoài cơ sở chế biến AGF9 và AGF8 được xây dựng hoàn thành và đưa vào vận hành lần lượt vào năm 2007 và 2008, các cơ sở chế biến khác của AGF được xây dựng từ trước khi Công ty tiến hành xây dựng trước khi cổ phần hóa, nên trang thiết bị phần nào đã xuống cấp. Công ty đã tiến hành một số đợt sửa chữa lớn gần đây tại các nhà máy cũ để hiện đại hóa quy trình chế biến, giảm thời gian chế biến và khả năng nhiễm vi sinh của sản phẩm.

Những nâng cấp này giúp Công ty rà soát lại toàn bộ máy móc thiết bị để bảo đảm không phát sinh những hỏng hóc làm gián đoạn quy trình sản xuất của toàn bộ nhà máy, đồng thời, sản phẩm sẽ ít nguy cơ nhiễm khuẩn, không làm ảnh hưởng đến thương hiệu cũng như khả năng bán hàng của AGF tại các thị trường khó tính như Mỹ và EU.

Chi tiết các đợt nâng cấp nhà máy:

- XI nghiệp đông lạnh AGF7: Công ty đã hoàn tất việc bố trí sắp xếp lại mặt bằng nhà xưởng, nâng cấp thiết bị của nhà máy với tổng chi phí vào khoảng 15 tỷ đồng.
- Bên cạnh đó, AGF còn đầu tư thêm 11 tỷ đồng để nâng cấp tổng kho, tăng khả năng cất trữ từ 10.000 tấn lên 14.000 tấn, do năng lực sản xuất của Công ty đang có chiều hướng tăng lên.



Những hạn mục nâng cấp trên nhằm giúp Công ty chế biến và bảo quản sản phẩm trong điều kiện tốt hơn, đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, hạn chế tối đa những rủi ro về chất lượng có thể ảnh hưởng đến thương hiệu Agifish nói riêng và ngành thủy sản Việt Nam nói chung.

7.3 Hoạt động Marketing

- Công ty có một hệ thống khách hàng truyền thống ổn định tại các thị trường Mỹ, Nhật, Châu Âu và Úc, ... Hiện nay, số lượng khách hàng hiện thời là 40 doanh nghiệp, các khách hàng này đã gắn bó với công ty trong một thời gian dài nên mặc dù có những biến động và ảnh hưởng của môi trường bên ngoài như vụ khủng bố vào nước Mỹ ngày 11/09/2001 hay vụ tranh chấp về thương hiệu cá Basa và cá Tra vừa rồi tại thị trường Mỹ nhưng sản lượng xuất khẩu của Agifish vào các thị trường này không bị biến động đáng kể.
- Ngoài ra, Công ty luôn nỗ lực tìm kiếm các khách hàng mới, cụ thể là tiếp xúc với các tập đoàn cũng như siêu thị lớn tại Mỹ, Châu Âu điển hình Công ty đã được Sysco – nhà phân phối thực phẩm lớn nhất Bắc Mỹ chấp nhận các xí nghiệp của Agifish đã đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh và có thể bán sản phẩm vào thị trường Mỹ. Điều này là rất thuận lợi, nếu Sysco mua sản phẩm cá Basa hay cá Tra của Công ty Agifish thì vấn đề nhãn hiệu hàng hoá sẽ không còn quan trọng nữa bởi vì Sysco sẽ sử dụng nhãn hiệu của mình để bán các sản phẩm của Agifish trên thị trường Bắc Mỹ.
- Do đặc thù của ngành thủy sản nên hoạt động Marketing của Công ty chủ yếu do Ban Giám đốc đảm nhiệm. Phương thức Marketing mà Công ty đang áp dụng là kết hợp với Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) tham dự các hội chợ thủy sản quốc tế hàng năm (Vietfish – Việt Nam, Boston, San Francisco – Mỹ, Brussel – Bỉ, Bremen – Đức, v.v...) để giới thiệu sản phẩm và tìm kiếm các cơ hội mua bán. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện tìm kiếm khách hàng qua báo đài, mạng Internet và sự giới thiệu của các doanh nghiệp trong ngành, của bạn hàng. Đối với những thị trường mới, Công ty thường sử dụng những kênh phân phối có sẵn.
- Công ty luôn duy trì và phát triển mối quan hệ mua bán với các khách hàng truyền thống, tìm kiếm mở rộng các khách hàng mới. Có kế hoạch phân công theo dõi chặt chẽ tiến độ, khối lượng và doanh số mua bán từng khách hàng để có những điều chỉnh thích hợp. Bên cạnh đó Công ty cũng đang mở rộng thêm các mặt hàng giá trị gia tăng khác như: tôm, cá xiên que, tẩm bột v.v... cung cấp cho các siêu thị, nhà hàng và đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng cá fillet tươi sống bằng máy bay nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của khách hàng.

7.4 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Thương hiệu đăng ký : CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG
- Logo Công ty :



- Ý nghĩa thương hiệu : Lôgô có hình chóp, phía trên là hình tam giác cân lớn sọc ngang màu xanh, chữ AGIFISH màu đỏ là tên tự đặt nằm trên hình tam giác cân đó, góc bên trái tam giác cân lớn có hình tam giác cân nhỏ màu đỏ. Phía dưới là những



đường uốn lượn màu xanh biểu tượng cho sông nước và con cá đang bơi giữa bốn làn sóng nước.

- Thời gian bảo hộ : Đến năm 2022

7.5 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 9: Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

| TT | Khách hàng/Nhà cung cấp | Sản phẩm | Giá trị hợp đồng (USD) | Thời gian thực hiện hợp đồng |
|----|---------------------------------|---------------|------------------------|------------------------------|
| 1 | Công ty H&N Foods International | Cá tra fillet | 5.300.000 | Từ tháng 05/2013 |
| 2 | Công ty Expack Seafood | Cá tra fillet | 3.300.000 | Từ tháng 05/2013 |
| 3 | Công ty M&T Seafood | Cá tra fillet | 3.200.000 | Từ tháng 05/2013 |
| 4 | Công ty Greenfarms Seafood | Cá tra fillet | 945.000 | Từ tháng 05/2013 |
| 5 | Công ty Kailis Bros Pty | Cá tra fillet | 560.000 | Từ tháng 05/2013 |

Nguồn: Agifish

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | % tăng giảm | 3 tháng năm 2013 |
|----|-----------------------------------|-----------|-----------|-------------|------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1.716.936 | 1.560.511 | -9,11% | 1.768.532 |
| 2 | Doanh thu thuần | 2.660.249 | 2.681.095 | 0,78% | 629.808 |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 61.960 | 31.301 | (49,48%) | 18.553 |
| 4 | Lợi nhuận khác | 15.241 | (6.756) | (144,33%) | (31) |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 77.201 | 24.545 | (68,21%) | 18.523 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 61.909 | 18.537 | (70,06%) | 14.655 |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 20% | na | | na |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, BCTC kiểm toán 2012 và BCTC Quý I/2013 của Công ty mẹ



Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | % tăng giảm | 3 tháng năm 2013 |
|----|-----------------------------------|-----------|-----------|-------------|------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1.716.936 | 1.564.982 | -8,85% | 1.774.349 |
| 2 | Doanh thu thuần | 2.660.249 | 2.791.454 | 4,93% | 645.281 |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 61.960 | 48.823 | (21,20%) | 20.778 |
| 4 | Lợi nhuận khác | 15.241 | (6.756) | (144,33%) | (31) |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 77.201 | 42.067 | (45,51%) | 20.748 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 61.909 | 33.961 | (45,14%) | 16.667 |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 20% | 10% | (-50,00%) | - |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, BCTC kiểm toán hợp nhất 2012 và BCTC hợp nhất Quý I/2013

Nhìn chung, năm 2012 vừa qua là một năm khó khăn chung đối với ngành thủy sản Việt Nam, đặc biệt là xuất khẩu và tiêu thụ cá tra. Tuy sản lượng xuất khẩu tăng 10%, nhưng về giá trị xuất khẩu cá tra giảm gần 7%. Hầu hết các chỉ số kết quả hoạt động kinh doanh của AGF đều giảm so với năm trước đó, nhưng cơ hội hồi phục và phát triển lại rộng mở cho những doanh nghiệp như AGF, lớn và đủ sức trụ vững sau đợt thanh lọc quy mô lớn của ngành cá tra kỳ này.

Năm 2012, tổng tài sản của AGF giảm gần 9% chủ yếu là do đáo hạn khoản đầu tư 100 tỷ đồng vào Quỹ Tầm nhìn SSI. Tiền thu hồi từ khoản đầu tư này được Công ty dùng để trả bớt vốn vay ngắn hạn nhằm cân đối lại nguồn vốn trong thời điểm Công ty chưa có dự án đầu tư mới. Tuy nhiên, trong năm 2013 AGF đang xây dựng kế hoạch mở rộng vùng nuôi nhằm ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào, gia tăng sản lượng sản xuất giành lấy thị phần của các công ty nhỏ (dự kiến sẽ phải ngừng hoạt động) trong ngành cá tra sau quá trình thanh lọc ngành.

Về kết quả hoạt động kinh doanh, tương tự các doanh nghiệp đầu ngành như HVG, VHC, năm 2012, doanh thu thuần của Công ty tăng nhẹ (gần 5%) nhưng Lợi nhuận ròng giảm mạnh do tác động của việc cạnh tranh gay gắt trong ngành dẫn đến giá xuất khẩu giảm, giá thức ăn cho cá lại tăng đẩy chi phí giá thành leo thang. Giá bán cá xuất khẩu trung bình đã giảm từ 2,66 USD/kg năm 2011 xuống còn 2,45 USD/kg năm 2012 (tương ứng giảm 7,9%). Thức ăn chiếm 80% chi phí nuôi cá tra. Năm 2012, giá thức ăn tăng khoảng 12%, hiện lên tới 13.000 đồng/kg do giá khô dầu đậu nành tăng mạnh. Khô dầu đậu nành chiếm khoảng 50% chi phí thức ăn.

Do hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức cũng giảm tương ứng. Ngoài ra, AGF cần tích lũy vốn cho việc đầu tư mở rộng vùng nuôi, đón đầu xu thế hồi phục của ngành cá tra Việt Nam trong thời gian tới.

❖ **Chi tiêu khác**

Không có



8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

8.3

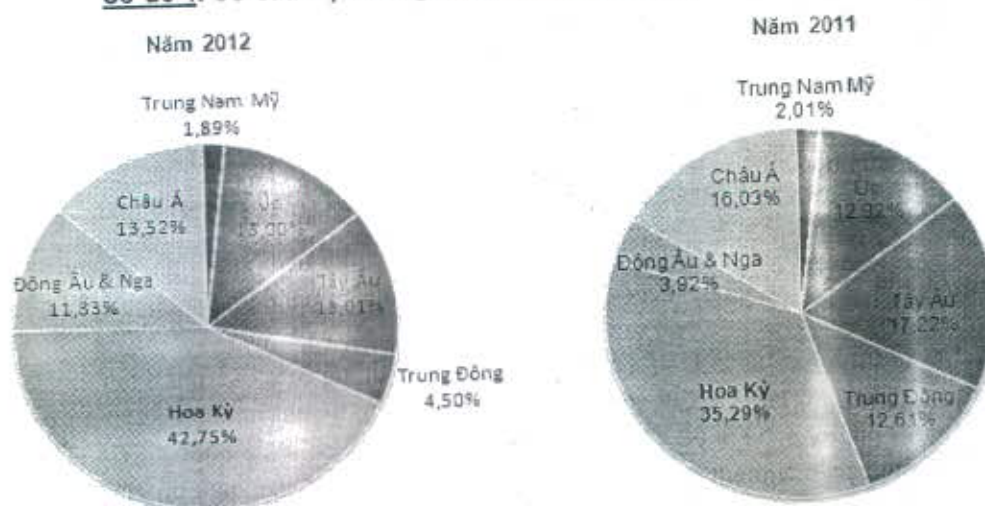
| Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2011 | | Năm 2012 | | So sánh | |
|----------------------|-----------|-----------|----------|-----------|-----------|------------|--|
| | | Thực hiện | Kế hoạch | Thực hiện | 2012/2011 | TH/KH 2012 | |
| Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 2.762 | 2.400 | 2.791 | 101,0% | 116,3% | |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 77 | 85 | 42 | 54,5% | 49,5% | |
| Sản lượng xuất khẩu | Tấn | 29.333 | 28.000 | 28.448 | 97,0% | 101,6% | |
| Kim ngạch xuất khẩu | Triệu USD | 93 | 90 | 92 | 99,1% | 102,4% | |

Nguồn: Agifish

Năm 2012, tuy kết quả hoạt động kinh doanh có giảm sút so với năm 2011 nhưng so với kế hoạch đặt ra đầu năm, các chỉ tiêu kế hoạch như sản lượng, kim ngạch xuất khẩu, doanh thu đều đạt và vượt, trừ chỉ tiêu lợi nhuận là không đạt do một số nguyên nhân chính sau:

- Những thị trường nhập khẩu cá tra, basa của Việt Nam như Châu Âu và Mỹ đang bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính và có dấu hiệu suy giảm trong năm. Thị trường EU: đạt 425,8 triệu USD, giảm 19,1% so với năm 2011. Không riêng gì mặt hàng cá tra, mà một số loài cá thịt trắng và cá rô phi từ các nước khác cũng giảm nhiều. Thị trường Mỹ: Tăng trưởng tốt trong những tháng đầu năm, nhưng sang Quý III/2012 bắt đầu giảm mạnh, đạt 358,8 triệu USD, tăng 8,2% so với năm 2011. Đối với AGF, Công ty có lợi thế về mức thuế chống phá giá rất thấp, chỉ 0,02 USD/kg, đã quyết định đầu tư thêm vào việc mở rộng xuất khẩu vào thị trường Mỹ và cả thị trường Đông Âu và Nga.

Sơ đồ 4: Cơ cấu thị trường xuất khẩu của Công ty



Nguồn: Agifish

- Trong nước, người nuôi khó khăn vì thiếu vốn, lãi suất và chi phí sản xuất cao: Từ Quý II/2012, khi tin dụng bị siết chặt, hạn mức cho vay giảm mạnh, đã xuất hiện tình trạng một số doanh nghiệp phải bán tháo fillet cá tra, tìm cách hạ phẩm cấp chất lượng và giá bán, nhằm



có thu hồi vốn, để có nguồn trả lãi và vốn vay ngân hàng. Đa số doanh nghiệp chế biến không thể trữ sản phẩm chờ thời giá tốt hơn vì hạn chế về vốn, bị sức ép phải trả nợ và thiếu kho đông dự trữ. Tác động cung - cầu từ giá xuất khẩu giảm khiến giá mua nguyên liệu cá tra cũng giảm theo, từ trung bình 25.000 đồng/kg ở Quý I/2012 xuống 23.000 đồng/kg ở Quý II, Quý III là 21.000 đồng/kg, Quý IV/2012 là 20.500 đ/kg. Kết quả là cả người nuôi có nguy cơ treo ao và ngừng nuôi cá. AGF với hơn 121 ha mặt ao đủ cung cấp khoảng 40 - 50% nguyên liệu đầu vào vẫn cần mua nguyên liệu cá từ các hộ nông dân.

9. Vị thế của Công ty so với các Doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Agifish là một trong những công ty chế biến thủy sản được thành lập sớm nhất tại Việt Nam với đội ngũ nhân sự nhiều kinh nghiệm và đã tạo dựng được thương hiệu được nhiều người tiêu dùng và đối tác biết đến, nhờ vào tính ổn định trong chất lượng của các sản phẩm, quy trình sản xuất và sản lượng ổn định, thương hiệu luôn được Công ty chú trọng quảng bá và trách nhiệm cao đối với xã hội và môi trường của Công ty. Đây là những yếu tố làm nên một Agifish luôn duy trì mức tăng trưởng ổn định trong suốt 26 năm hoạt động của mình.

Công ty có lượng đơn hàng ổn định từ các thị trường lớn, bao gồm Mỹ, Nhật, Châu Âu và Úc. Đặc biệt, Agifish có lợi thế cạnh tranh về giá bán hơn nhiều đối thủ do được hưởng mức thuế chống bán phá giá thấp. Căn cứ vào công bố kết quả cuối cùng của Bộ Thương mại Mỹ về việc xem xét hành chính thuế chống bán phá giá lần thứ 8 (POR8) giai đoạn từ 01/08/2010 – 31/07/2011 đối với mặt hàng cá tra fillet đông lạnh của Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ thì Agifish chỉ chịu mức thuế suất cực nhỏ chỉ 0,02 USD/kg, đây là mức thuế tương đối thấp so với mức thuế mà các doanh nghiệp trong ngành đang chịu tham gia vào thị trường này.

Cả nước hiện nay có hơn 160 doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu cá tra, nhưng phần lớn là các doanh nghiệp nhỏ, chưa chú trọng phát triển vùng nuôi và xây dựng chu trình khép kín. Các doanh nghiệp này chủ yếu thu mua cá từ các hộ nuôi cá và chế biến, do đó, khó đạt được sự đồng nhất về chất lượng của các nguyên liệu. Bên cạnh đó, trước tình hình giá cả thức ăn chăn nuôi tăng cao, người nuôi cá phần lớn đã treo ao do làm ăn thua lỗ, dẫn đến tình hình thiếu hụt nguyên liệu. Không thể kiểm soát chi phí đầu vào và nguồn nguyên liệu, sức cạnh tranh cũng như khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ sẽ giảm sút đáng kể.

Trải qua giai đoạn sàng lọc này, các doanh nghiệp nhỏ có thể sẽ khó duy trì hoạt động, và thị trường sẽ dần dần thuộc về các công ty có chiến lược phát triển bài bản, chú trọng đầu tư phát triển vùng nguyên liệu. Và Agifish là một trong số các doanh nghiệp có chiến lược phát triển ổn định đó. Công ty hiện có vùng nuôi lên đến 121 ha, đạt các tiêu chuẩn vệ sinh chất lượng vùng nuôi.

Số lượng doanh nghiệp xuất khẩu cá da trơn giảm xuống sẽ giúp thị trường vận động tốt hơn với giá xuất khẩu kỳ vọng tốt hơn, do hiện tượng các doanh nghiệp nhỏ cạnh tranh về giá sẽ giảm đi. Bên cạnh đó, chất lượng sản phẩm đồng đều hơn sẽ giúp sản phẩm cá tra xuất khẩu của Việt Nam dễ dàng thâm nhập vào các thị trường lớn trên thế giới. Agifish, với bề dày kinh nghiệm, thương hiệu mạnh cùng sản phẩm chất lượng tốt sẽ hưởng lợi nhiều sau giai đoạn sàng lọc thị trường này.



9.2 Triển vọng phát triển của ngành và đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Xu thế phát triển của thế giới và định hướng sản phẩm của AGF: Cá tra vẫn là một thực phẩm quan trọng trên thế giới vì giá trị dinh dưỡng cao, giá cả lại hợp lý, việc nuôi và chế biến cá tra tương đối đơn giản và ít chịu nhiều biến động về dịch bệnh và thời tiết như những mặt hàng thủy sản khác (tôm, nghêu...). Việt Nam chiếm 85% nguồn cung cá tra trên toàn cầu, nhưng sản phẩm giá trị gia tăng chiếm tỷ trọng nhỏ (chỉ vào khoảng 20%) tổng lượng cá tra xuất khẩu hằng năm. Hiện nay tại AGF, mặt hàng giá trị gia tăng chỉ chiếm khoảng 10% tổng sản lượng tiêu thụ. Công ty định hướng sẽ mở rộng nhà máy chế biến mặt hàng này, nhằm một mặt gia tăng tỉ trọng mặt hàng giá trị cao so với những mặt hàng sơ chế có tỷ suất lợi nhuận kém hơn, mặt khác đa dạng hóa các danh mục sản phẩm, từ đó mở rộng xuất khẩu sang những thị trường khó tính.

Việc hoàn tất quá trình thanh lọc gay gắt các doanh nghiệp trong ngành xuất khẩu cá tra Việt Nam mở ra triển vọng tăng trưởng cho toàn ngành với giá xuất khẩu cá tra năm 2013 được dự báo sẽ tăng tích cực: Năm 2012, mặc dù sản lượng bán tăng (717.730 tấn, tăng 4,3% so với năm trước), doanh thu xuất khẩu cá tra của Việt Nam lại giảm 3,6% so với năm trước, đạt 1,8 tỷ USD. Việc sụt giảm về doanh thu xuất khẩu là do sự cạnh tranh gay gắt của 160 doanh nghiệp trong ngành bằng cách hạ giá bán để tranh giành thị trường. Mặc dù Vasep đã đưa mức giá sàn cho xuất khẩu cá tra, nhiều doanh nghiệp vẫn chào giá bán chỉ ở mức 1,80 USD/kg. Điều này dẫn đến phán quyết của Bộ Thương mại Mỹ (DOC) vào ngày 14 tháng 3 năm 2013 về đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần thứ 8 (giai đoạn 01/08/2010 đến 31/07/2011) đối với các doanh nghiệp cá tra Việt Nam. Mức thuế của đợt rà soát này cao hơn nhiều so với mức thuế trước đây, tuy nhiên AGF là một trường hợp đặc biệt không bị xem xét lại mức thuế và không chịu ảnh hưởng từ đợt rà soát này. Hiện nay, trong 160 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, chỉ có khoảng 30 công ty hoạt động kinh doanh ổn định nhờ sở hữu quy trình khép kín đạt tiêu chuẩn chất lượng. Sau đợt áp thuế chống bán phá giá này của Mỹ, dự kiến các doanh nghiệp nhỏ không sở hữu nhà máy chế biến đạt tiêu chuẩn chất lượng, vay nợ cao và thường giảm giá bán để cạnh tranh, vốn đang trong tình cảnh khó khăn tài chính, sẽ phải ngừng hoạt động. Đây là yếu tố tích cực cho ngành bởi số doanh nghiệp xuất khẩu cá tra giảm sẽ làm cạnh tranh bớt gay gắt, hoạt động ổn định, kinh doanh bài bản hơn và tỷ suất lợi nhuận sẽ tăng. Ông Dương Ngọc Minh, Chủ tịch Công ty Cổ phần Thủy sản Hùng Vương, đã dự báo giá xuất khẩu sẽ tăng từ 2,46 USD/kg trong năm 2012 lên 2,6 - 2,8 USD/kg trong năm 2013.

Lợi thế từ vùng nuôi và định hướng phát triển vùng nuôi: Vì tình hình khó khăn của ngành trong 2012, nhiều nông dân lỗ nặng và thiếu vốn sẽ phải bỏ ao trong năm nay (khoảng 30% diện tích nuôi cá đã bị bỏ hoang). Các doanh nghiệp có vùng nuôi riêng hoặc có thể bán sản phẩm với giá cao sẽ chiếm ưu thế và gia tăng thị phần. Với lợi thế từ diện tích 3 vùng nuôi lớn tại 3 tỉnh An Giang, Cần Thơ và Đồng Tháp với tổng diện tích khoảng 121 ha cung cấp được khoảng 40 - 50% nguyên liệu đầu vào cho AGF và nắm bắt được cơ hội phát triển sau đợt thanh lọc ngành, Công ty xác định đây là thời điểm thích hợp để mở rộng vùng nuôi nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào đáp ứng cho nhu cầu xuất khẩu cá tra, đặc biệt là vào Mỹ, do các công ty nhỏ trong ngành đã phá sản để lại. Ngoài ra, đối với tương lai ngành cá tra, chỉ những doanh nghiệp có chuỗi sản xuất khép kín mới không lâm vào tình trạng khó khăn tài chính và hoạt động ổn định. Chính vì vậy, ngoài việc củng cố thêm vùng nuôi tạo sự ổn định đầu vào, AGF còn chú trọng đến việc hợp tác chặt chẽ với các công ty liên kết gồm Công ty Cổ phần Thủy sản Hùng Vương, Công ty Cổ phần Thức ăn



Chăn nuôi Việt Thắng... trên phương diện chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ tài chính, thức ăn cho cá cũng như chế biến các phụ phẩm từ cá nhằm tối đa hóa tỷ suất lợi nhuận.

Từ góc độ của đơn vị tư vấn cho AGF, SSI nhận thấy rằng định hướng phát triển sản phẩm giá trị gia tăng, mở rộng vùng nuôi và tăng cường hợp tác với các công ty liên kết của AGF là hoàn toàn phù hợp với định hướng của toàn ngành, phù hợp với nhu cầu của thị trường thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong Công ty

- ❖ Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2012 là 2.985 người
- ❖ Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty

| TT | Trình độ chuyên môn | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|-----------|-------------------------|------------------|-----------|
| 1 | Đại học và trên đại học | 161 | 5,39% |
| 2 | Cao đẳng | 24 | 0,80% |
| 3 | Trung cấp | 131 | 4,40% |
| 4 | Khác | 2.669 | 89,41% |
| Tổng cộng | | 2.985 | 100% |

10.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, ...

- Công ty luôn tạo điều kiện tốt hơn cho người lao động, bảo đảm việc làm thường xuyên và thu nhập cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về lương, thưởng, phúc lợi, trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, ốm đau, thai sản theo quy định của Nhà nước.
- Không ngừng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh; cải tiến quy trình sản xuất nhằm giảm định mức chế biến, nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm.
- Công ty có tổ chức khu cư xá Agifish với khoảng 400 chỗ ở miễn phí dành cho công nhân lao động khó khăn về chỗ ở hoặc xa gia đình. Thường xuyên phối hợp với công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, cơ nhỡ, bệnh tật.
- Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh theo đúng Luật Lao động, triển khai cụ thể đến toàn thể cán bộ công nhân viên. Agifish luôn chấp hành đúng nghĩa vụ thanh toán đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và giải quyết đầy đủ các chế độ ốm đau, thai sản, ... theo đúng quy định.

10.3 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Chưa có

11. Chính sách cổ tức

- ❖ Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng Quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:
 - Cổ tức được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất;



- Cổ tức có thể được thanh toán giữa kỳ nếu HĐQT xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty;
 - Cổ tức có thể được thanh toán toàn bộ hoặc một phần bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành).
- ❖ Công ty theo đuổi chính sách cổ tức theo đó cổ đông sẽ nhận được phần lợi nhuận của Công ty ở mức độ hợp lý và đảm bảo phần lợi nhuận giữ lại cần thiết cho việc mở rộng sản xuất và tăng trưởng trong tương lai.

Bảng 12: Tỷ lệ cổ tức qua các năm

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013E |
|--------------------------------------|----------|----------|-----------|
| Tỷ lệ chi trả cổ tức (theo mệnh giá) | 20% | 10% | 20% (i) |

Nguồn: Agifish

- (i) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức trong năm 2013.

12. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản trong năm vừa qua

- a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh
- ❖ Báo cáo vốn điều lệ và tình hình sử dụng vốn điều lệ

Đơn vị tính: đồng

| Thời điểm | Nguồn tăng | Mục đích sử dụng vốn | Tình hình sử dụng vốn |
|---|---|---|--|
| Thành lập với vốn điều lệ là 41.791.300.000 đồng | | | |
| Lần 1: 01/2006 Tăng vốn điều lệ từ 41.791.300.000 đồng lên 43.880.340.000 đồng | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20:1 và được sự chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước theo Quyết định số 82/QĐ-UBCK ngày 08 tháng 02 năm 2006 | | Đây là khoản lợi nhuận thu được trong năm 2005, được Công ty chuyển vào Vốn điều lệ để tái đầu tư vào các xí nghiệp thủy sản của AGF |
| Lần 2: 07/2006 Tăng vốn điều lệ từ 43.880.340.000 đồng lên 78.875.780.000 đồng | Phát hành riêng lẻ 2.000.000 cổ phiếu cho một số nhà đầu tư chiến lược và được sự chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước theo Quyết định số 493/QĐ- | Huy động vốn để đầu tư dự án xí nghiệp thủy sản đông lạnh 1 (hiện nay là xí nghiệp đông lạnh AGF 9) và đầu tư kho | Công ty đã sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt huy động lần 2 (tháng 07/2006) đầu tư 150 tỷ đồng cho dự án xí nghiệp thủy sản đông lạnh 1 (hiện nay là xí nghiệp đông lạnh AGF 9) và 19 tỷ đồng đầu tư kho đông lạnh để dự |

**BẢN CÁO BẠCH****CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG**

| Thời điểm | Nguồn tăng | Mục đích sử dụng vốn | Tình hình sử dụng vốn |
|--|---|---|--|
| | UBCK ngày 19 tháng 07 năm 2006 | đóng lạnh để dự trữ thành phẩm | trữ thành phẩm. |
| | Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5:1 | | |
| | Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên với số lượng 222.000 cổ phiếu | | |
| Lần 3: 07/2007 Tăng vốn điều lệ từ 78.875.780.000 đồng lên 128.592.880.000 đồng | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5:1 | | Công ty dùng lợi nhuận chưa phân phối trong năm 2006 để chi trả cổ tức, đồng thời bổ sung vốn điều lệ để duy trì hoạt động kinh doanh |
| | Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên | Huy động vốn để đầu tư mở rộng dự án xí nghiệp đóng lạnh AGF 7 và AGF 8, đồng thời bổ sung vốn lưu động | Công ty đã sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt huy động là 34 tỷ đồng để tiến hành nâng cấp, cải tạo 2 xí nghiệp đóng lạnh AGF 7 và AGF 8, đồng thời bổ sung vốn lưu động. |
| | Phát hành riêng lẻ 3.000.000 cổ phiếu cho một số nhà đầu tư chiến lược | | |

Nguồn: Agifish

❖ Báo cáo về vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn kinh doanh

Tính đến thời điểm 31 tháng 3 năm 2013, Công ty có số vốn kinh doanh lên đến 1.645.756 triệu đồng bên cạnh vốn điều lệ 128.593 triệu đồng.

Chi tiết vốn kinh doanh của AGF:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Vốn kinh doanh | Giá trị |
|--|------------------|
| - Vốn vay | 756.353 |
| - Thặng dư | 385.506 |
| - Nợ ngắn hạn khác | 327.440 |
| - Nợ dài hạn khác | 15.117 |
| - Lợi nhuận chưa phân phối | 67.561 |
| Các khoản khác: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Nguồn vốn đầu tư XDCB, Chênh lệch tỉ giá hối đoái | 93.779 |
| Tổng cộng | 1.645.756 |

Nguồn: Agifish

**BẢN CÁO BẠCH****CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG**

Tại thời điểm 31/03/2013 tổng nguồn vốn của Công ty là 1.774.349 triệu đồng, được đầu tư vào các hạng mục cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Nguồn vốn | Giá trị |
|--|------------------|
| - Hàng tồn kho (cá nguyên liệu, thành phẩm, nguyên vật liệu) | 731.911 |
| - Phải thu ngắn hạn | 567.810 |
| - Tài sản cố định | 401.925 |
| - Xây dựng cơ bản dở dang, trong đó | 11.289 |
| Xe tải KIA 1.25 tấn | 243 |
| Xây dựng phòng kiểm nghiệm | 630 |
| Mở rộng kho vận | 10.417 |
| - Tiền mặt | 30.405 |
| - Các tài sản khác | 31.009 |
| Tổng cộng | 1.774.349 |

Nguồn: Agifish

Công ty có dư nợ vay ngắn hạn và thặng dư vốn cổ phần tương đối lớn, chiếm 64% tổng tài sản của Công ty. Nguồn vốn này được dùng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty, bao gồm chi phí thu mua và nuôi trồng nguyên vật liệu, tín dụng thương mại cho người mua. Hàng tồn kho chủ yếu là cá nguyên liệu, gồm cá nuôi và thu mua ngoài, cũng thành phẩm lưu kho sẵn sàng để bán. Khoản phải thu khách hàng thường được dùng làm tài sản bảo đảm để Công ty vay vốn ngân hàng, đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh.

Tài sản cố định của Công ty chủ yếu là các cơ sở sản xuất và văn phòng làm việc. Phần xây dựng cơ bản dở dang đã được hoàn thành, Công ty đang trong giai đoạn quyết toán chứng từ để có thể kết chuyển sang phần tài sản cố định. Tài sản khác chủ yếu bao gồm các khoản thuế được hoãn lại hoặc khấu trừ và chi phí trả trước.

b. Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất : 48 năm
- Nhà cửa : 5 – 25 năm
- Máy móc và thiết bị : 2 -12 năm
- Phương tiện vận tải : 6 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng : 2 - 6 năm
- Phần mềm kế toán : 3 – 5 năm
- Tài sản khác : 3 – 10 năm

c. Mức lương bình quân

Tính đến thời điểm 31/12/2012, mức lương bình quân của Công ty là 4.200.000 đồng/tháng/người

**BẢN CÁO BẠCH**

CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

**d. Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ, không có nợ quá hạn. Các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định.

e. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Nhà nước.

f. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 13: Tình hình trích lập quỹ của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | 31/12/2011 | 31/12/2012 | 31/03/2013 |
|----|---------------------------|------------|------------|------------|
| 1 | Quỹ đầu tư và phát triển | 80.988 | 80.988 | 80.988 |
| 2 | Quỹ dự phòng tài chính | 11.666 | 12.859 | 12.859 |
| 3 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 2.849 | 6.365 | 1.321 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, BCTC kiểm toán hợp nhất 2012 và BCTC hợp nhất Quý I/2013

g. Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/03/2013, tổng số dư nợ vay của Công ty là **756.352.679.260 đồng**, trong đó

- Vay và nợ ngắn hạn : 756.352.679.260 đồng
- Vay và nợ dài hạn : 0 đồng
- Nợ quá hạn ngắn hạn : 0 đồng
- Nợ quá hạn trung và dài hạn : 0 đồng

Bảng 14: Số dư các khoản vay tại thời điểm 31/03/2013

Đơn vị tính: đồng

| TT | Tên Ngân hàng | Dư nợ vay tại 31/03/2013 |
|----|----------------------------------|-----------------------------|
| I | VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN | 756.352.679.260 |
| 1 | Vay ngân hàng | 725.292.679.260 |
| | Vay VND | |
| - | Ngân hàng Vietcombank - An Giang | 302.416.634.492 |
| - | Ngân hàng HSBC - Tp.HCM | 2.100.000.000 |
| - | Ngân hàng VIB - An Giang | 10.195.357.654 |
| - | Ngân hàng MB | 11.187.658.160 |
| | Vay USD | - |
| - | Ngân hàng Vietcombank - An Giang | 73.809.822.698 |



BẢN CÁO BẠCH
CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG



| | | |
|----|--------------------------|-----------------------|
| - | Ngân hàng HDBank | 52.070.000.000 |
| - | Ngân hàng VIB - An Giang | 39.677.340.000 |
| - | Ngân hàng HSBC - Tp.HCM | 106.539.280.429 |
| - | Ngân hàng ANZ | 75.180.214.424 |
| - | Ngân hàng MB | 52.116.371.403 |
| 2 | Vay cá nhân | 31.060.000.000 |
| II | VAY VÀ NỢ DÀI HẠN | - |
| | Vay ngân hàng | - |

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý I/2013

h. Tình hình công nợ

- Các khoản phải thu

Bảng 15: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | 31/12/2011 | 31/12/2012 | 31/03/2013 |
|----|------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| 1 | Phải thu khách hàng | 530.390 | 355.241 | 516.946 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 80.627 | 54.364 | 57.103 |
| 3 | Các khoản phải thu khác | 20.255 | 21.101 | 24.871 |
| 4 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (21.576) | (31.110) | (31.110) |
| | Tổng cộng | 609.696 | 399.596 | 567.810 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, BCTC kiểm toán hợp nhất 2012 và BCTC hợp nhất Quý I/2013

Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | 31/12/2011 | 31/12/2012 | 31/03/2013 |
|----|------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| 1 | Phải thu khách hàng | 530.390 | 369.187 | 533.753 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 80.627 | 54.364 | 57.103 |
| 3 | Các khoản phải thu khác | 20.255 | 20.893 | 24.871 |
| 4 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (21.576) | (31.110) | (31.110) |
| | Tổng cộng | 609.696 | 413.334 | 584.617 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, BCTC kiểm toán 2012 và BCTC Quý I/2013 của Công ty mẹ



▪ Các khoản phải trả

Bảng 17: Chi tiết các khoản phải trả Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Chi tiêu | 31/12/2011 | 31/12/2012 | 31/03/2013 |
|-----------|--|------------------|----------------|------------------|
| I | Nợ ngắn hạn | 1.041.410 | 888.912 | 1.083.793 |
| 1 | Vay ngắn hạn | 823.941 | 675.790 | 756.353 |
| 2 | Phải trả người bán | 137.083 | 176.006 | 295.351 |
| 3 | Người mua trả tiền trước | 2.737 | 609 | 556 |
| 4 | Thuế và các khoản phải trả Nhà nước | 30.132 | 2.622 | 5.023 |
| 5 | Phải trả người lao động | 22.504 | 9.424 | 11.419 |
| 6 | Chi phí phải trả | 14.088 | 13.708 | 8.155 |
| 7 | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 8.076 | 4.388 | 5.616 |
| 8 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 2.849 | 6.365 | 1.320 |
| II | Nợ dài hạn | 20.125 | 17.298 | 15.117 |
| 1 | Phải trả dài hạn khác | - | 17.298 | 15.117 |
| 2 | Dự phòng trợ cấp thôi việc | 20.125 | - | - |
| | Tổng cộng | 1.061.535 | 906.210 | 1.098.910 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, BCTC kiểm toán hợp nhất 2012 và BCTC hợp nhất Quý I/2013

Bảng 18: Chi tiết các khoản phải trả Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Chi tiêu | 31/12/2011 | 31/12/2012 | 31/03/2013 |
|-----------|--|------------------|----------------|------------------|
| I | Nợ ngắn hạn | 1.041.410 | 888.245 | 1.083.793 |
| 1 | Vay ngắn hạn | 823.941 | 675.790 | 756.353 |
| 2 | Phải trả người bán | 137.083 | 176.006 | 295.351 |
| 3 | Người mua trả tiền trước | 2.737 | 609 | 556 |
| 4 | Thuế và các khoản phải trả Nhà nước | 30.132 | 2.622 | 5.023 |
| 5 | Phải trả người lao động | 22.504 | 9.424 | 11.419 |
| 6 | Chi phí phải trả | 14.088 | 13.041 | 8.155 |
| 7 | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 8.076 | 4.388 | 5.616 |
| 8 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 2.849 | 6.365 | 1.320 |
| II | Nợ dài hạn | 20.125 | 17.298 | 15.117 |
| 1 | Phải trả dài hạn khác | - | 17.298 | 15.117 |
| 2 | Dự phòng trợ cấp thôi việc | 20.125 | - | - |



| TT | Chỉ tiêu | 31/12/2011 | 31/12/2012 | 31/03/2013 |
|----|------------------|------------------|----------------|------------------|
| | Tổng cộng | 1.061.535 | 905.543 | 1.098.910 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, BCTC kiểm toán 2012 và BCTC Quý I/2013 của Công ty mẹ

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | 2011 | 2012 | 3 tháng đầu năm 2013 |
|----------|---|------|-------|-------|----------------------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| | Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn) | Lần | 1,15 | 1,27 | 1,25 |
| | Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn) | Lần | 0,68 | 0,53 | 0,57 |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| | Hệ số Nợ/ Tổng tài sản | Lần | 0,62 | 0,58 | 0,62 |
| | Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu | Lần | 1,62 | 1,38 | 1,63 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| | Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | Vòng | 5,34 | 4,24 | 0,83 |
| | Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Vòng | 1,55 | 1,78 | 0,36 |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| | Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 2,33% | 1,22% | 2,58% |
| | Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | % | 9,45% | 5,16% | 2,47% |
| | Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | 3,61% | 2,17% | 0,94% |
| | Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | % | 2,33% | 1,75% | 3,22% |
| | Thu nhập trên cổ phần (EPS) | | 4.844 | 2.657 | 1.304 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, BCTC kiểm toán hợp nhất 2012 và BCTC hợp nhất Quý I/2013

Khả năng thanh toán: Năm 2012 tuy hoạt động kinh doanh toàn ngành cá tra gặp nhiều khó khăn nhưng AGF vẫn đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn luôn duy trì ở mức an toàn, cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn được cải thiện từ mức 1,15 lên 1,27. Trong khi đó hệ số thanh toán nhanh giảm nhẹ do hàng tồn kho của Công ty tăng thêm 14%. Trong năm 2012, AGF cũng đã dùng nguồn vốn thu lại từ việc đầu tư vào Quỹ tầm nhìn SSI để trả bớt nợ vay ngắn hạn, một phần giúp khả



năng thanh toán chung được cải thiện và gánh nặng lãi suất ngân hàng giảm bớt. Trong 3 tháng đầu năm 2013, các chỉ số về thanh toán vẫn giữ ở mức ổn định, tương đương với cuối năm 2012.

Cơ cấu vốn: Có thể thấy được Công ty đã trở lại sử dụng đòn bẩy tài chính để phục hồi sản xuất sau những biến cố trong ngành cá tra. Tranh thủ lợi thế có được từ thị trường Mỹ về thuế chống bán phá giá thấp hơn rất nhiều so với các đối thủ khác, Công ty xác định mục tiêu mở rộng xuất khẩu sang quốc gia này bằng việc phát triển vùng nuôi để chủ động nguyên liệu đầu vào, thay đổi cơ cấu sản phẩm chú trọng hơn đến mặt hàng giá trị gia tăng. Việc tăng sử dụng vốn vay ngân hàng khiến cho các chỉ số về Cơ cấu vốn của AGF vào cuối Quý I năm 2013 tăng nhẹ so với năm ngoái, nhưng cũng chỉ bằng với các con số của năm 2011 trước đó.

Năng lực hoạt động: Tỷ lệ Doanh thu trên Tổng tài sản của AGF tăng tích cực trong năm 2012 chủ yếu cũng là do Tổng tài sản của Công ty giảm hơn 140 tỷ (do trả bớt nợ vay ngắn hạn) trong khi Doanh thu vẫn được giữ vững, thậm chí tăng nhẹ 2%. Việc giữ được mức doanh thu tốt như vậy cho thấy uy tín của AGF trên thị trường tiêu thụ và chiến lược kinh doanh đúng hướng.

Khả năng sinh lời: Tuy Doanh thu năm 2012 vẫn khả quan nhưng Lợi nhuận toàn Công ty năm 2012 chỉ bằng 55% năm 2011 khiến cho các tỷ số về khả năng sinh lời của AGF đều giảm sút mạnh. Nguyên nhân chủ yếu là do khoản thu nhập bất thường của năm 2011 từ chuyển nhượng tòa nhà chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và thanh lý máy móc thiết bị 47 tỷ đồng, mà năm 2012 không có được. Nếu chỉ xét về hoạt động kinh doanh cả năm 2012, AGF hoàn toàn ổn định, thể hiện ở khoản mục Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 48 tỷ đồng, cao hơn mức 47 tỷ đồng năm 2011.

Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | 2011 | 2012 | 3 tháng đầu năm 2013 |
|----|---|------|------|------|----------------------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| | Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn) | Lần | 1,15 | 1,27 | 1,24 |
| | Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn) | Lần | 0,68 | 0,55 | 0,57 |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| | Hệ số Nợ/ Tổng tài sản | Lần | 0,62 | 0,58 | 0,62 |
| | Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu | Lần | 1,62 | 1,38 | 1,64 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| | Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | Vòng | 5,34 | 4,19 | 0,83 |
| | Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Vòng | 1,55 | 1,72 | 0,36 |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |



| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | 2011 | 2012 | 3 tháng đầu năm 2013 |
|----|---|-----|-------|-------|----------------------|
| | Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 2,33% | 0,69% | 2,33% |
| | Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | % | 9,45% | 2,83% | 2,19% |
| | Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | 3,61% | 1,19% | 0,83% |
| | Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | % | 2,33% | 1,17% | 2,95% |
| | Thu nhập trên cổ phần (EPS) | | 4.844 | - | 1.147 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, BCTC kiểm toán 2012 và BCTC Quý I/2013 của Công ty mẹ

AGF chỉ có duy nhất 1 Công ty con hoạt động tại Mỹ mà AGF sở hữu 100%, và mới thành lập năm 2012. Chính vì vậy các chỉ số hoạt động của riêng công ty mẹ AGF và chỉ số hoạt động hợp nhất không có sự khác biệt nào lớn.

13. Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát; Kế toán trưởng

13.1 Danh sách

Bảng 21: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

| TT | Họ tên | Chức vụ | Năm sinh | Số CMND/Hộ chiếu |
|-----------------------------------|---------------------|-------------------|----------|------------------|
| I Hội đồng Quản trị (HĐQT) | | | | |
| 1 | Ông Ngô Phước Hậu | Chủ tịch HĐQT | 1956 | 350624332 |
| 2 | Ông Dương Ngọc Minh | Phó Chủ tịch HĐQT | 1956 | 021997925 |
| 3 | Ông Nguyễn Văn Ký | Phó Chủ tịch HĐQT | 1958 | 022868620 |
| 4 | Ông Võ Thành Thông | Thành viên HĐQT | 1967 | 351768544 |
| 5 | Ông Phù Thanh Danh | Thành viên HĐQT | 1967 | 024330831 |
| 6 | Ông Nguyễn Văn Khải | Thành viên HĐQT | 1967 | 0216801111 |
| II Ban Tổng Giám đốc (TGD) | | | | |
| 1 | Ông Nguyễn Văn Ký | Tổng Giám đốc | 1958 | 022868620 |
| 2 | Ông Võ Thành Thông | Phó Tổng Giám đốc | 1967 | 351768544 |
| 3 | Ông Phù Thanh Danh | Phó Tổng Giám đốc | 1967 | 024330831 |
| 4 | Ông Võ Văn Phong | Phó Tổng Giám đốc | 1975 | 362369683 |



| TT | Họ tên | Chức vụ | Năm sinh | Số CMND/Hộ chiếu |
|--------------------------------|---------------------------|----------------|----------|------------------|
| III Ban kiểm soát (BKS) | | | | |
| 1 | Ông Lê Nam Hải | Trưởng BKS | 1971 | 022341792 |
| 2 | Ông Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên BKS | 1983 | 012345319 |
| 3 | Bà Triệu Nguyễn Ngọc Minh | Thành viên BKS | 1985 | 361973782 |
| IV Kế toán trưởng (KTT) | | | | |
| 1 | Ông Huỳnh Minh Thống | Kế toán trưởng | 1976 | 311483336 |

Nguồn: Agifish

13.2 Sơ yếu lý lịch

a. Hội Đồng Quản Trị

Ông Ngô Phước Hậu – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Ngô Phước Hậu

Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

Các công tác đã trải qua:

- Từ 1995 đến 2001: Giám đốc Công ty XNK Thủy sản An Giang
- Từ 2001 đến 03/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Agifish
- 03/2010 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Agifish

Bằng cấp : Kỹ sư sinh hóa

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 150.009 cổ phần, chiếm 1,17% vốn điều lệ

- Sở hữu cá nhân : 150.009 cổ phần, chiếm 1,17% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Không có

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

Ông Dương Ngọc Minh – Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Dương Ngọc Minh

Chức vụ hiện tại : Phó Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hùng Vương

Các công tác đã trải qua:

**BẢN CÁO BẠCH****CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG**

- Từ 1975 đến 1984: Phó Giám đốc kiêm Chỉ huy Trường Nông trường Duyên Hải
- Từ 1984 đến 1994: Giám đốc Công ty Chế biến Thủy sản Hùng Vương
- Từ 2003 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hùng Vương

Bằng cấp : Kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 6.568.466 cổ phần, chiếm 51,08% vốn điều lệ

- Sở hữu cá nhân : Không có
- Đại diện sở hữu : 6.568.466 cổ phần, chiếm 51,08% vốn điều lệ

| TT | Tên | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ |
|----|----------------------------|------------------|--------------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Hùng Vương | 6.568.466 | 51,08% |

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 28.459.492 cổ phần, chiếm 35,93% vốn điều lệ

- Sở hữu cá nhân : 28.459.492 cổ phần, chiếm 35,93% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu : Không có

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

Ông Nguyễn Văn Ký – Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Văn Ký

Chức vụ hiện tại : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Hùng Vương

Các công tác đã trải qua :

- Từ 1982 đến 1992: Phó Phòng Kế hoạch, Quản đốc phân xưởng thuộc Xí nghiệp Cầu Tre
- Từ 1993 đến 2001: Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Sài Gòn
- Từ 2003 đến 2009: Chủ tịch HĐQT Xí nghiệp Đông lạnh Việt Phú Tiền Giang
- Từ 2010 đến 05/2013: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Agifish
- Từ 05/2013 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Bằng cấp : Đại học nuôi trồng & chế biến thủy sản

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: Không có

- Sở hữu cá nhân : Không có
- Đại diện sở hữu : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Không có

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

Ông Võ Thành Thông – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Võ Thành Thông



Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Các công tác đã trải qua:

- Tháng 02/1990 – 07/1991: làm tại phòng Tài chính huyện Châu Thành, tỉnh An Giang
- Từ tháng 08/1991 đến nay: làm việc tại Công ty Agifish

Bằng cấp : Tốt nghiệp Đại học TC - KT Tp.HCM năm 1989

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 15.692 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ

- Sở hữu cá nhân : 15.692 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Không có

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

Ông Phù Thanh Danh - Thành viên HĐQT

Họ và tên : Phù Thanh Danh

Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Các công tác đã trải qua:

- Từ 1990 đến nay: công tác tại Công ty Agifish

Bằng cấp : Kỹ sư Thủy sản

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 100.193 cổ phần, chiếm 0,78% vốn điều lệ

- Sở hữu cá nhân : 100.193 cổ phần, chiếm 0,78% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : 17.886 cổ phần, chiếm 0,14% vốn điều lệ

| TT | Tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ |
|----|-------------------|-------------|------------------|--------------------------|
| 1. | Bà Châu Ngọc Bích | Vợ | 17.886 | 0,14% |

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Không có

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

Ông Nguyễn Văn Khải - Thành viên HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Văn Khải

Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

Các công tác đã trải qua:

**BẢN CÁO BẠCH****CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG****SSI**

- Từ 06/1994 đến 06/1995: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty LD VU TRAC
- Từ 06/1995 đến 1996: Kỹ sư Công ty LD VU TRAC
- Từ 12/1998 đến 09/2005: Giám đốc điều hành Công ty TNHH Xuyên Thái Bình
- Từ 10/2005 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

Bằng cấp : Quản lý Công nghiệp

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: 2.600.000 cổ phần chiếm 20,22% vốn điều lệ

- Sở hữu cá nhân : Không có
- Đại diện sở hữu : 2.600.000 cổ phần chiếm 20,22% vốn điều lệ

| TT | Tên | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ |
|----|---------------------------------|------------------|--------------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình | 2.600.000 | 20,22% |

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Không có

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

b. Ban Tổng Giám đốc**Ông Nguyễn Văn Kỳ – Tổng Giám đốc**

Thông tin xem tại mục IV.13. a Bản cáo bạch này

Ông Võ Thành Thông – Phó Tổng Giám đốc:

Thông tin xem tại mục IV.13. a Bản cáo bạch này

Ông Ông Phù Thanh Danh – Phó Tổng Giám đốc:

Thông tin xem tại mục IV.13. a Bản cáo bạch này

Ông Võ Văn Phong - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Võ Văn Phong

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Phó giám đốc phụ trách nuôi trồng Công ty cổ phần Hùng Vương
- Phụ trách kinh doanh Công ty cổ phần Hùng Vương – Tây Nam

Các công tác đã trải qua :

- Từ 2000 - 2002: làm việc tại vùng thử nghiệm Công ty Proconco Cần Thơ
- Từ 2002 - 2007: làm việc tại vùng thử nghiệm Công ty Aquaservice
- Từ 2008 đến 2012 : Phụ trách kinh doanh Công ty Cổ phần Hùng Vương – Tây Nam
- Từ 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Bằng cấp : Kỹ sư Công nghệ Thực phẩm, Đại học Cần Thơ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: Không có

- Sở hữu cá nhân : Không có
- Đại diện sở hữu : Không có



BẢN CÁO BẠCH

CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG



Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : Không có
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Không có
Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

c. Ban Kiểm Soát

Ông Lê Nam Hải – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : Lê Nam Hải
Chức vụ hiện tại : Trưởng Ban Kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
▪ Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Hùng Vương

Các công tác đã trải qua:

- Từ 1993 đến 1998: Ngân hàng TMCP Quế Đỏ
- Từ 1998 đến 2010: Công ty Kiểm toán AASC
- Từ 2010 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Agifish

Bằng cấp : Cử nhân Tài chính - Kế toán

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: Không có

- Sở hữu cá nhân : Không có
- Đại diện sở hữu : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : Không có
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Không có
Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

Ông Nguyễn Thanh Tùng – Thành viên BKS

Họ và tên : Nguyễn Thanh Tùng
Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban Kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Trợ lý Hội đồng quản trị - Công ty CP Hùng Vương

Các công tác đã trải qua:

- Từ 2006 - 2007: Chuyên viên giao dịch Tiền tệ Ngoại hối – Trung tâm Nguồn vốn – Ngân hàng TMCP Techcombank;
- Từ 2007 - 2009: Chuyên viên Tư vấn – Bộ phận Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI);
- Từ 2009 - 2011: Chuyên viên Tư vấn – Ban Tư vấn & Bảo lãnh Phát hành – Công ty CP Chứng khoán Dầu khí (PSI);
- Từ 2011 đến nay: Trợ lý Hội đồng quản trị - Công ty CP Hùng Vương;
- Từ 2011 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP XNK Lâm Thủy sản Bến Tre
- Từ 2013 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP Thực phẩm Sao ta;
- Từ 2013 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP XNK Thủy sản An Giang



Bảng cấp : Cử nhân Tài chính - Kế toán

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: Không có

- Sở hữu cá nhân : Không có
- Đại diện sở hữu : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Không có

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

Bà Triệu Nguyễn Ngọc Minh – Thành viên BKS

Họ và tên : Triệu Nguyễn Ngọc Minh

Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban Kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Các công tác đã trải qua:

- Từ 2008 đến nay: Công ty XNK Thủy sản An Giang

Bảng cấp : Cử nhân Kinh tế

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: Không có

- Sở hữu cá nhân : Không có
- Đại diện sở hữu : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Không có

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có

d. Kế toán trưởng

Ông Huỳnh Minh Thống – Kế toán trưởng

Họ và tên : Huỳnh Minh Thống

Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Các công tác đã trải qua :

- Từ tháng 1998 đến nay: làm việc tại Công ty Agifish

Bảng cấp : Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Tp.HCM năm 1998

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu: Không có

- Sở hữu cá nhân : Không có
- Đại diện sở hữu : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan : Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Không có

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : Không có



14. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Bảng 22: Tài sản của Công ty vào thời điểm 31/03/2013

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Loại tài sản | Nguyên giá | Khấu hao lũy kế | Giá trị còn lại |
|----|--------------------------|----------------|------------------|-----------------|
| I | Tài sản cố định hữu hình | 580.045 | (245.337) | 334.708 |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 160.495 | (42.047) | 118.448 |
| 2 | Máy móc và thiết bị | 402.350 | (193.168) | 209.182 |
| 3 | Phương tiện vận tải | 14.498 | (7.911) | 6.587 |
| 4 | Thiết bị văn phòng | 2.521 | (2.137) | 384 |
| 5 | Tài sản khác | 181 | (74) | 107 |
| II | Tài sản cố định vô hình | 67.747 | (529) | 67.218 |
| 1 | Quyền sử dụng đất | 67.454 | (252) | 67.202 |
| 2 | Phần mềm vi tính | 293 | (277) | 16 |
| | Tổng cộng | 647.792 | (245.866) | 401.926 |

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý I/2013

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

❖ **Kế hoạch**

Dựa vào những hợp đồng đã và đang được ký kết với các đối tác trong và ngoài nước, Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang đã đề ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong 2 năm 2013 và năm 2014 tương đối thận trọng, với những chỉ tiêu cụ thể như sau:

Bảng 23: Kế hoạch Doanh thu, Lợi nhuận và cổ tức năm 2013, năm 2014

Đơn vị tính: Ngân đồng

| TT | Chỉ tiêu | Dự kiến năm 2013 | Dự kiến năm 2014 | |
|----|--|------------------|------------------|-----------------------|
| | | | Giá trị | (+/-) so với năm 2013 |
| 1 | Doanh thu | 3.000.000.000 | 3.225.000.000 | 7,50% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 94.800.000 | 103.870.000 | 9,57% |
| 3 | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương | 3,16% | 3,22% | 1,89% |
| 4 | Tổng cộng Vốn chủ sở hữu | 1.770.000.000 | 1.928.000.000 | 8,93% |
| 5 | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 5,36% | 5,39% | 0,56% |
| 6 | Cổ tức | 20% | 20% | - |

Nguồn: Agifish



❖ **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên**

Chi tiết kế hoạch doanh thu của Agifish trong năm 2013 như sau:

Bảng 24: Chi tiết kế hoạch doanh thu

Đơn vị tính: Ngân đồng

| TT | Khoản mục Doanh thu năm 2013 | Giá trị | Giải thích |
|-----------|--|-----------|---|
| 1 | Doanh thu xuất khẩu | 2.341.613 | Là nguồn thu chủ yếu của Agifish, dự kiến sẽ mang về cho Công ty khoảng trên 75% tổng doanh thu do gia tăng mặt hàng giá trị gia tăng và mở rộng thêm thị trường xuất khẩu. |
| 2 | Doanh thu nội địa | 148.410 | |
| 3 | Doanh thu từ phụ phẩm | 237.456 | Tuy chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu nhưng phụ phẩm từ Agifish luôn đảm bảo chất lượng và đạt tiêu chuẩn do Viện Pasteur kiểm nghiệm. Công ty dự kiến sẽ phát triển ổn định mảng này |
| 4 | Doanh thu từ bán thành phẩm thú y | 297 | Chủ yếu đến từ việc chế biến nguyên liệu thành thành phẩm thuốc thú y và phân phối cho các đơn vị cùng ngành. Doanh thu này không đáng kể. |
| 5 | Doanh thu từ cung cấp dịch vụ + hoạt động khác | 240.424 | Được duy trì ổn định từ việc cung cấp dịch vụ kho vận và xuất khẩu ủy thác |
| 6 | Doanh thu tài chính | 27.900 | Nguồn thu từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện và lãi tiền gửi |
| 7 | Doanh thu khác | 3.900 | Từ hoạt động khác, tuy nhiên vẫn chiếm tỷ lệ khá nhỏ trong tổng doanh thu. |
| Tổng cộng | | 3.000.000 | |

Nguồn: Agifish

Với kế hoạch doanh thu như trên, Công ty đưa ra mục tiêu lợi nhuận trước thuế là 120 tỷ đồng và dự kiến chi trả cổ tức 20% là tương đối khả thi bởi những chỉ tiêu này được lập trên cơ sở phát triển sản phẩm giá trị gia tăng trong thời gian tới, mở rộng vùng nuôi và tăng cường hợp tác với các công ty trong ngành.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Đồng thời, dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua, năng lực của Công ty và tình hình nền kinh tế trong thời gian gần đây, chúng tôi nhận thấy kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức như kế hoạch nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp (do đặc thù của lĩnh vực hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào chu kỳ tăng trưởng và suy thoái của ngành). Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.



Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Ngay sau khi hoàn tất đợt chào bán, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục để lưu ký và niêm yết bổ sung tương ứng với số cổ phiếu tăng thêm. Thời gian dự kiến không quá 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành:

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán đăng ký

Không có

**V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN****1. Loại cổ phiếu**

- ❖ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

- ❖ Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

- ❖ Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 12.859.288 cổ phiếu

Đây là số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương pháp thực hiện quyền mua cổ phiếu, với tỉ lệ 1:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ được quyền mua 01 cổ phiếu phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị)

4. Giá chào bán dự kiến

- ❖ Giá chào bán dự kiến: 12.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

- ❖ Giá chào bán Cổ phần phổ thông cho Cổ đông hiện hữu được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 03 tháng 05 năm 2013: 12.000 đồng/cổ phần

- ❖ Giá trị sổ sách một cổ phiếu của AGF tại thời điểm 31/03/2013:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sổ} \\ \text{sách 1 cổ} \\ \text{phiếu} \end{array} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang} \\ \text{lưu hành}} = \frac{675.438.989.989}{12.779.288} = 52.854 \text{ đồng}$$

- ❖ Thị giá cổ phiếu AGF tại thời điểm Công ty chốt danh sách tham dự ĐHĐCĐ (ngày 15/03/2013): 18.900 đồng/cổ phiếu.
- ❖ Thị giá cổ phiếu AGF tại thời điểm 03/05/2013, khi Công ty hoàn tất việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 thông qua việc phát hành: 21.300 đồng/cổ phiếu.
- ❖ Thị giá cổ phiếu AGF tại thời điểm 31/05/2013, khi Công ty chuẩn bị nộp hồ sơ chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: 35.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Cổ đông hiện hữu của AGF sẽ được hưởng quyền mua cổ phần phát hành thêm ở mức giá tương đối thấp so với Giá trị sổ sách và thị giá cổ phần.

6. Phương thức phân phối

Phương thức phân phối: theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu, cụ thể như sau:

- ❖ Phân phối và thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu phát hành thêm ("quyền mua")
Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ được quyền mua 01 cổ phiếu phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành.



Ví dụ: Cổ đông A (vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) sở hữu 101 cổ phiếu AGF tương ứng với 101 quyền mua, số cổ phiếu mới được quyền mua là $101:1 = 100,1$ cổ phiếu, được làm tròn là 100 cổ phiếu.

Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông thông qua các Công ty Chứng khoán ("CTCK") – Thành viên lưu ký của VSD.

Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.

❖ **Chuyển nhượng quyền mua**

Trong thời hạn tối thiểu 20 ngày để đăng ký mua, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có nhu cầu, việc chuyển nhượng quyền mua kết thúc trước 10 ngày kể từ ngày hết hạn đặt mua cổ phiếu phát hành thêm

Đối với cổ đông đã lưu ký

Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch, với thủ tục cụ thể như sau:

- i. Việc chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại CTCK bên chuyển nhượng mở tài khoản lưu ký. CTCK bên chuyển nhượng chịu trách nhiệm kiểm tra tính chính xác về thông tin chuyển nhượng quyền mua của các bên. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng chưa mở tài khoản thì phải mở tài khoản tại một CTCK.
- ii. Việc xác nhận chuyển nhượng quyền mua giữa các cổ đông do VSD thực hiện.
- iii. Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu chuyển nhượng quyền mua chứng khoán, CTCK bên chuyển nhượng phải nhập giao dịch chuyển nhượng quyền mua qua cổng giao tiếp điện tử và gửi đến VSD các chứng từ sau:
 - Giấy đề nghị chuyển nhượng quyền mua chứng khoán
 - Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin tại trang web của các Sở giao dịch chứng khoán (nếu có) về việc chuyển nhượng quyền mua của các đối tượng thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định.
 - Tài liệu liên quan khác (nếu có).
- iv. Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ chuyển nhượng quyền mua đầy đủ và hợp lệ, VSD xác nhận vào Giấy đề nghị chuyển nhượng quyền mua và gửi cho CTCK liên quan.

Đối với cổ đông chưa lưu ký

Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua tại Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang - Phòng kế toán – Số 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

❖ **Đăng ký thực hiện quyền mua**

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về quyền mua, đăng ký thực hiện quyền mua tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang - Phòng kế toán – Số 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang (đối với cổ đông chưa lưu ký).

Hết thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.



- ❖ Số cổ phần ưu tiên chào bán theo tỷ lệ, đối với số cổ phần lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phần không bán hết, HĐQT ủy quyền cho HĐQT quyết định đối tượng chào bán, giá chào bán với nguyên tắc giá chào bán không được thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng ("Giấy chứng nhận"), nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận có hiệu lực. Thời gian phân phối dự kiến trước quý IV/2013.

Lịch trình phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư dự kiến như sau:

Bảng 25: Lịch trình phân phối cổ phiếu

Ngày D là ngày theo lịch

| Bước | Công việc | Thời gian thực hiện |
|------|---|---------------------|
| 1 | Nhận được Giấy chứng nhận của UBCKNN | D |
| 2 | Công bố Bản thông báo phát hành | D+7 |
| 3 | Gửi hồ sơ thông báo thông báo thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (i) | D+12 – D+14 |
| 4 | Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền mua cổ phiếu (ii) | D+17 – D+20 |
| 5 | Cổ đông nhận được Thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu ("thông báo") | D+26 – D+28 |
| 6 | Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu (iv) | D+36 – D+38 |
| 7 | Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần (v) | D+46 – D+48 |
| 8 | VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm (vi) | D+55 – D+57 |
| 9 | HQĐT phân phối đối với số cổ phần lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phần không bán hết (dự kiến khoảng 2 tuần) (vii) | D+69 – D+71 |
| 10 | Báo cáo kết quả phát hành cho UBCK (viii) | D+79 – D+89 |
| 11 | Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung | D+89 – D+99 |
| 12 | Cổ phiếu phát hành thêm chính thức giao dịch | D+94 – D+104 |

- (i) Bước 3: theo quy định, gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ tới VSD chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng ("ngày đăng ký cuối cùng" là ngày làm việc do Công ty ấn định để xác định Danh sách người sở hữu cổ phiếu AGF được hưởng quyền mua thêm cổ phiếu ("danh sách"). Ngày D+14 là ngày đăng ký cuối cùng)
- (ii) Bước 4: theo quy định, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty danh sách
- (iii) Bước 5: theo quy định, trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, CTCK gửi cổ đông AGF thông báo
- (iv) Bước 6: theo quy định tại mục V.6 Chuyển nhượng quyền mua, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 10 ngày của ngày cuối cùng đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm.
- (v) Bước 7: theo quy định, thời hạn đăng ký mua (kể từ khi cổ đông nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu) tối thiểu là 20 ngày.



- (vi) Bước 8: theo quy định, trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đặt mua cổ phiếu phát hành thêm
- (vii) Bước 9: theo quy định, Công ty phải hoàn thành việc phân phối cổ phiếu trong vòng 90 ngày
- (viii) Bước 10: theo quy định, trong vòng 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán (NĐ.58: Ngày hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng là ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu được chào bán từ các nhà đầu tư)

Trên đây là lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến cho nhà đầu tư, tuy nhiên, tùy tình hình thị trường, HĐQT sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; đảm bảo lợi ích cao nhất cho Cổ đông; và đảm bảo việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

Lịch trình phân phối cổ phiếu chính thức sẽ được công bố chính thức khi Công ty được UBCK cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCK cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

Phương thức thanh toán: cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang - Phòng kế toán - Số 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang (đối với cổ đông chưa lưu ký).

Chuyển giao cổ phiếu: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCK, sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE và đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD.

Quyền lợi người mua cổ phiếu: cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành thêm là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

9. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty.

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu) theo hướng dẫn tại mục V.6, V.7 và V.8 của Bản cáo bạch này.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- ❖ Điều lệ Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài, Nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần của Công ty theo quy định tại Luật Đầu Tư và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- ❖ Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng. Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại HOSE, các cổ đông



nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành;

- ❖ Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty tính đến ngày 31/05/2013 là 2,51% vốn điều lệ (nguồn: HOSE)

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- ❖ Quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng 01 (một) lần. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho người khác.
- ❖ Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt này, là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

12. Các loại thuế liên quan

12.1 Đối với Công ty

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008, Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; mức thuế suất TNDN hàng năm áp dụng cho Công ty là 25% trên lợi nhuận thu được (áp dụng từ năm tài chính 2009),

b. Thuế giá trị gia tăng (VAT):

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành,

Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

12.2 Đối với nhà đầu tư

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần, Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại tiết a điểm 2,2,2 mục II Phần B Thông tư 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNCN và cá nhân chuyển nhượng vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần, cuối năm cá nhân thực hiện quyết toán thuế.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

- Thu nhập từ cổ tức:

Cũng theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.



Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%, Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định *Thông tư 130/2008/TT-BTC* thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25%.

Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại *Thông tư số 134/2008/TT-BTC* ngày 31/12/2008.

- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại *Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008*.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Công ty:

- ❖ Tên người thụ hưởng : Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang
- ❖ Số tài khoản : 015.1000.533.420
- ❖ Mở tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang



VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư phát triển, ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 của Công ty đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Theo đó, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty, nhằm nâng cao năng lực tài chính, chủ động nguồn nguyên liệu, từ đó nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và tăng tính cạnh tranh của Agifish trên thị trường.

2. Phương án khả thi

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán lần này sẽ được dùng để bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty mà cụ thể là bổ sung vốn để đầu tư phát triển cũng như mở rộng vùng nuôi hiện có của Agifish, chi tiết như sau:

Bảng 26: Chi tiết nhu cầu từng vùng nuôi

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| TT | Vùng nuôi | Nhu cầu vốn dự kiến |
|-----------|-------------------------|---------------------|
| 1 | Vùng nuôi tại An Giang | 79.495.500 |
| 2 | Vùng nuôi tại Cần Thơ | 64.579.500 |
| 3 | Vùng nuôi tại Đồng Tháp | 25.425.000 |
| Tổng cộng | | 169.500.000 |

Nguồn: Agifish

Tính đến hết tháng 03 năm 2013, Agifish đã thuê được 121 ha diện tích đất với 79,5 ha mặt nước được phân bổ tại 3 tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, cụ thể là An Giang, Cần Thơ và Đồng Tháp. Hiện nay, những vùng này mới chỉ đáp ứng được từ 40 – 50% nhu cầu cá nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, do đó Công ty vẫn phải thu mua cá từ các hộ nông dân trong vùng dẫn đến việc lệ thuộc vào nguồn cá bên ngoài. Việc lệ thuộc này sẽ có một số điểm hạn chế cho Agifish, điển hình như:

- Chất lượng nguyên liệu mua ngoài có thể không đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế như Global Gap, ASC;
- Nguồn cung có thể không ổn định, nông dân có thể tạm dừng việc nuôi cá khi giá thành nuôi cá tăng cao hơn giá bán;
- Giá cả mua ngoài có thể biến động lớn, không ổn định so với giá thành nuôi cá của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

Nhằm kiểm soát những rủi ro trên đồng thời chủ động hơn về nguồn nguyên liệu đầu vào, Công ty đã có chiến lược đẩy mạnh phát triển vùng nuôi sao cho nâng tỷ lệ chủ động từ 40 - 50% lên đến 70%.

Hiện tại, vùng nuôi cá tra của Agifish được xây dựng tại 3 tỉnh An Giang, Cần Thơ và Đồng Tháp trên đất bãi bồi (cù lao) và đất ven sông Hậu, sông Tiền; biệt lập với khu dân cư. Điều kiện thổ nhưỡng và nước đã được kiểm định phù hợp với nuôi trồng thủy sản nước ngọt. Vùng nuôi nằm tại các vị trí thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản, vận chuyển thức ăn, cá giống và thu hoạch cá thương phẩm về nhà máy chế biến, phù hợp để ứng dụng các quy trình kỹ thuật nuôi theo tiêu chuẩn quốc



tế: ASC, Global Gap, BMP... Đây là vùng nguyên liệu tập trung chất lượng ổn định, đạt tiêu chuẩn quốc tế, sản phẩm có thể truy xuất nguồn gốc, không bị nhiễm hóa chất, kháng sinh bị cấm.

❖ **Vùng nuôi tại An Giang:**

Vùng nuôi An Giang là một trong những vùng nuôi của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang, đây là vùng nuôi cá tra thương phẩm trong ao đất, được phân bố tại các huyện như:

- Huyện Châu Thành : 13,7 ha
- Huyện Chợ Mới : 20,3 ha
- Huyện Châu Phú : 11,8 ha
- Thành phố Long Xuyên : 10,9 ha

Với diện tích mặt đất là 56,6 ha, trong đó diện tích mặt nước chiếm khoảng 69,51% diện tích mặt đất, tương đương 39,3 ha. Hàng năm, vùng nuôi này mang lại cho Agifish sản lượng khoảng 23.623 tấn/năm.

❖ **Vùng nuôi tại Cần Thơ:**

Vùng nuôi Cần Thơ là một trong những vùng nuôi của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang, đây là vùng nuôi cá tra thương phẩm trong ao đất, được phân bố tại các huyện như:

- Huyện Vĩnh Thạnh : 26,6 ha
- Quận Thốt Nốt : 24,3 ha

Với diện tích mặt đất là 50,9 ha, trong đó diện tích mặt nước chiếm khoảng 59,84% diện tích mặt đất, tương đương 30,4 ha. Hàng năm, vùng nuôi này mang lại cho Agifish sản lượng khoảng 18.270 tấn/năm.

❖ **Vùng nuôi tại Đồng Tháp:**

Vùng nuôi Đồng Tháp là một trong những vùng nuôi của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang. Tọa lạc tại huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, đây là vùng nuôi cá tra thương phẩm trong ao đất.

Với diện tích mặt đất là 13,7 ha, trong đó diện tích mặt nước chiếm khoảng 71,22% diện tích mặt đất, tương đương 9,7 ha. Hàng năm, vùng nuôi này mang lại cho Agifish sản lượng khoảng 5.833 tấn/năm.

Agifish luôn tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật và an toàn vệ sinh thực phẩm để cá nuôi đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Thứ nhất, xác định các tiêu chuẩn vùng nuôi đáp ứng tiêu chuẩn BMP/GAP (Các quy phạm quản lý nuôi trồng thủy sản tốt hơn/ Quy phạm thực hành nuôi tốt.)

- Vị trí, nguồn nước, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải.
- Thiết kế ao, chất lượng nước, vận chuyển cá giống và cá khi thu hoạch, quản lý chất thải, quản lý thức ăn, quản lý sức khỏe của cá.

**Thứ hai, áp dụng quy trình nuôi cá tra thâm canh****(i) Chuẩn bị ao nuôi:**

Dọn tất cả cây cỏ ven bờ ao, không được sử dụng thuốc diệt cỏ để làm vệ sinh bờ ao, thuốc trừ sâu cho cây ăn trái tại vùng nuôi nhằm tránh bị nhiễm chất cấm Trifuralin.

Tát cạn, vét bùn đáy ao, bắt hết cá tạp, cua, ếch, nhái, lấp kín hang hốc, lỗ mọt. Kiểm tra kỹ lưới chặn cống cấp và thoát nước không để cá thoát ra ngoài.

Bón vôi 8 – 10 kg/m² diện tích, phơi đáy ao 7 – 15 ngày.

Cấp nước vào ao, mức nước ngày đầu khi thả giống phải đạt tối thiểu từ 2 – 2,5 m. Sau đó cho nước vào ao cho đến ngày thứ 15 mức nước trong ao nuôi đạt 3 – 4,5 m.

Các yếu tố môi trường pH, nhiệt độ,... nước phải được kiểm tra trước khi thả cá.

Diện tích ao nuôi thích hợp 4.000 m² – 10.000 m², độ sâu 3,0 m – 4,5 m.

(ii) Chọn con giống – mật độ thả:

Lựa chọn các cơ sở ương cá giống có uy tín để có được nguồn cung cấp cá giống khỏe mạnh, sạch bệnh, chất lượng ổn định và giá cả phù hợp.

Mật độ nuôi thả thay đổi từ 40 - 50 con/m². Nếu thả với mật độ cao cá sẽ lớn không đều và dễ phát sinh bệnh tật.

Thời gian thả cá tốt nhất là sáng sớm hoặc chiều tối.

(iii) Thức ăn cho cá:

Thức ăn cho cá: sử dụng thức ăn viên CTCP Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng hoặc CTCP Thức ăn Chăn nuôi Hùng Vương - Tây Nam thuộc CTCP Hùng Vương cung ứng.

Cho cá ăn 1 - 2 lần /ngày với tỷ lệ 1,5 – 5%/trọng lượng đàn cá. Cụ thể như sau :

- ✓ 50 - 70 con/kg : 4,0 – 5,0%
- ✓ 20 - 50 con/kg : 3,5 – 4,5%
- ✓ 2 – 20 con/kg : 2,5 – 4,0%
- ✓ Nhỏ hơn 2 con/kg : 1,5 - 2,5%

Bổ sung thêm vào thức ăn các loại premix khoáng, vitamine. Enzyme giúp cá tiêu hóa, hấp thu tốt và phòng chống các bệnh khác.

(iv) Chăm sóc quản lý:

Chăm sóc ao nuôi không để dịch hại như rắn, ếch nhái, cá dữ xâm nhập ao.

Sử dụng thức ăn viên sản xuất công nghiệp với hàm lượng protein và kích thích viên phù hợp với từng giai đoạn phát triển của cá. Cho cá ăn cần điều chỉnh lượng thức ăn cho phù hợp không để dư thừa làm thối bẩn nước ao, tạo điều kiện cho mầm bệnh phát triển. Nhìn chung phải cung cấp thức ăn cho cá đầy đủ số lượng và chất lượng. Những ngày mưa lạnh nên giảm lượng thức ăn và số lần cho ăn trong ngày.

Trong thời gian nuôi phải luôn theo dõi thường xuyên hoạt động của cá, môi trường nước ao để điều chỉnh kịp thời.

Quản lý tốt nguồn nước không nên để nước ao quá nhiễm bẩn do thức ăn dư thừa. Thay nước khoảng 30% lượng nước trong ao/ngày. Hút bùn đáy ao 3 – 4 lần/vụ.



Xây dựng hệ thống ao lắng lọc và hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường ngoài. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường vùng nuôi.

(v) Phòng trị bệnh:

Cá được chăm sóc quản lý tốt sẽ ít bệnh. Một số bệnh cá như đốm đỏ, đốm trắng, viêm ruột, xuất huyết nội tạng, lở loét... dùng kháng sinh không có trong danh mục cấm sử dụng của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn và theo hướng dẫn sử dụng ghi trên bao bì.

Định kỳ xử lý môi trường ao nuôi 2 tuần/lần để phòng ngừa một số bệnh nội, ngoại ký sinh trùng bằng các loại hóa chất, thuốc thú y thủy sản cho ăn hoặc tắm cho cá.

(vi) Thu hoạch:

Trước khi sang cá hoặc thu hoạch toàn bộ cho cá ăn vitamine C chống sốc, tăng sức đề kháng.

Nghỉ cho cá ăn 2 ngày, luyện cá thật kỹ trước khi đánh bắt, vận chuyển.

Đối với cá thương phẩm : ngừng sử dụng thuốc 21 ngày trước khi thu hoạch.

Chất lượng cá phải đạt theo tỉ lệ:

- ✓ Loại 1 : từ 70 – 80%
- ✓ Loại 2 : từ 20 – 30%

Hiệu quả của việc phát triển vùng nuôi:

Trước tình trạng nông dân treo ao, ngừng nuôi cá do giá bán cá thấp hơn giá thành, công ty đã thuê lại các ao nuôi này để tiến hành thả cá theo các tiêu chuẩn nghiêm ngặt của mình nhằm bảo đảm các yêu cầu về chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường của nhiều đối tác nước ngoài. Tiền thuê ao sẽ được tính trên cơ sở một mức phí cố định trên mỗi kilogam cá thu hoạch được. Việc thuê ao giúp Công ty tiết kiệm được nhiều khoản đầu tư cho cơ sở hạ tầng.

Ngoài chi phí thuê ao, công ty cần một lượng vốn lưu động khá lớn để tiến hành việc nuôi cá, bao gồm mua con giống, thức ăn chăn nuôi, các loại thuốc thú y cần thiết,... trong đó, thức ăn là chi phí lớn nhất, chiếm 80% giá thành chăn nuôi. Nhu cầu vốn cho việc nuôi cá là tương đối lớn, nhưng Công ty có thể nhanh chóng thu hồi vốn sau vụ cá, do AGF có thị trường tiêu thụ các sản phẩm cá tra khá rộng lớn. Chi phí nuôi có thể biến động nếu giá thức ăn thay đổi, do chi phí thức ăn chiếm 80% giá thành nuôi cá. Với 79,5 ha diện tích mặt nước, AGF cần đầu tư khoảng 900 tỷ đồng cho mỗi vụ cá. Khoản đầu tư tuy lớn, nhưng giải ngân theo tiến độ và Công ty sẽ nhanh chóng thu hồi vốn sau khi thu hoạch cá, chế biến và xuất khẩu. Theo dữ liệu của Agifish, chi phí sản xuất đơn vị trên 1 kg cá thịt nguyên liệu được Công ty ước tính như sau:

| Chi phí sản xuất | Giá trị (đồng/kg cá thịt) |
|---------------------------------|---------------------------|
| ▪ Cá giống | 1.040 |
| ▪ Thức ăn | 16.800 |
| ▪ Thuốc phòng trị bệnh cá | 500 |
| ▪ Điện, dầu bơm nước, thấp sáng | 300 |
| ▪ Thuê ao | 250 |
| ▪ Lương công nhân | 300 |



| Chi phí sản xuất | Giá trị (đồng/kg cá thịt) |
|-------------------|---------------------------|
| ▪ Lãi vay | 500 |
| ▪ Chi phí quản lý | 200 |
| ▪ Chi phí khác | 250 |
| Tổng cộng | 20.140 |

Nguồn: Agifish

Việc nâng cao khả năng chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào giúp Công ty nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, đảm bảo chất lượng thành phẩm đầu ra và có khả năng gia tăng sản lượng xuất khẩu sang các thị trường khó tính đặc biệt là Mỹ và đạt được chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 3.000 tỷ đồng doanh thu và 94,8 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế trong năm 2013.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 154.311.456.000 đồng sẽ được phân bổ sử dụng vào mục đích như đã nêu tại mục VI, với kế hoạch chi tiết như sau:

Bảng 27: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| TT | Vùng nuôi | Nhu cầu vốn dự kiến | Sử dụng từ đợt chào bán lần này | Kế hoạch sử dụng |
|----|-------------------------|---------------------|---------------------------------|------------------|
| 1 | Vùng nuôi tại An Giang | 79.495.500 | 72.372.073 | Trong năm 2013 |
| 2 | Vùng nuôi tại Cần Thơ | 64.579.500 | 58.792.665 | Trong năm 2013 |
| 3 | Vùng nuôi tại Đồng Tháp | 25.425.000 | 23.146.718 | Trong năm 2013 |
| | Tổng cộng | 169.500.000 | 154.311.456 | |

Nguồn: Agifish

❖ Phương án xử lý khi đợt phát hành không đủ số tiền dự kiến thu được:

Do đợt chào bán lần này không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết, điều này sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch tài trợ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh như dự kiến.

Trong trường hợp cổ phiếu chào bán không được mua hết và số tiền thu được không đủ để tài trợ cho mục đích chào bán mà cụ thể là không đủ để bổ sung vốn lưu động dự kiến của Công ty, thì Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn vay từ ngân hàng để bổ sung.



VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức Chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG (AGF)

Trụ sở chính: 1234 Trần Hưng Đạo, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.76) 3 852 939 Fax: (84.76) 3 852 202

Email: agifish.co@agifish.com.vn Website: www.agifish.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Bitexco Financial Tower, Tầng 28, Số 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3824 5252 Fax: (84.8) 3824 5250

Email: eyhcmc@vn.ey.com Website: www.ey.com

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Hội sở

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3824 2897 Fax: (84.8) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội,

Điện thoại: (84.4) 3936 6321 Fax: (84.4) 3936 6311

Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("SSI") đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

- Agifish là một trong những công ty chế biến thủy sản được thành lập sớm nhất tại Việt Nam với đội ngũ nhân sự nhiều kinh nghiệm và đã tạo dựng được thương hiệu được nhiều người tiêu dùng và đối tác biết đến, nhờ vào tính ổn định trong chất lượng của các sản phẩm, quy trình sản xuất và sản lượng ổn định, thương hiệu luôn được Công ty chú trọng quảng bá và trách nhiệm cao đối với xã hội và môi trường của Công ty. Đây là những yếu tố làm nên một Agifish luôn duy trì mức tăng trưởng ổn định trong suốt 26 năm hoạt động của mình.
- Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu lần này, chủ yếu được Công ty bổ sung nguồn vốn lưu động, nhằm nâng cao năng lực tài chính, chủ động nguồn nguyên liệu, từ đó nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và tăng tính cạnh tranh của Agifish trên thị trường.

Khối lượng chào bán đợt này khá lớn với 12.859.288 cổ phiếu tương đương gần 128,59 tỷ đồng, chiếm 100% vốn điều lệ hiện tại của Agifish, tuy nhiên, nguồn vốn huy động sẽ được bổ sung nguồn vốn lưu động thông qua việc mở rộng ba vùng nuôi hiện tại của Công ty nhằm mang lại



nguồn thu ổn định cho Agifish trong thời gian tới cũng như mang lại lợi nhuận ổn định cho các nhà đầu tư tham gia mua cổ phần. Giá chào bán cũng tương đối thấp so với thị giá cổ phần, là một cơ hội tốt để các nhà đầu tư gia tăng vốn góp vào Công ty. Hơn nữa, đối tượng được mua cổ phần là tất cả các cổ đông hiện hữu của Agifish tại ngày chốt danh sách hưởng quyền mua. Với những nhận định trên, chúng tôi – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn cho rằng đợt chào bán 12.859.288 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là phù hợp với nhu cầu vốn cũng như phù hợp với định hướng phát triển của Agifish trong thời gian tới.

Tuy đợt chào bán lần này không được bảo lãnh phát hành, nhưng với sự phục hồi của thị trường chứng khoán trong vài tháng gần đây cộng với việc Agifish chào bán với giá khá hấp dẫn 12.000 đồng/cổ phiếu trong khi giá thị trường tại thời điểm 31/05/2013 là 35.000 đồng/cổ phiếu thì SSI cho rằng đây là cơ hội tốt cho nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu AGF và khả năng Công ty chào bán thành công cao.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

Đại lý phát hành

Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông thông qua các Công ty Chứng khoán ("CTCK") – Thành viên lưu ký của VSD. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.

Các khoản phí và điều kiện kèm theo

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về quyền mua, nộp tiền mua cổ phiếu tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (đối với cổ đông chưa lưu ký). Giá phát hành là 12.000 đồng/cổ phiếu phát hành thêm.

Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng. Công ty sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung để đưa số lượng cổ phiếu phát hành thêm vào giao dịch.



BẢN CẢO BẠCH

CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG



An Giang, ngày ... tháng ... năm 2013

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG (AGF)

Ngô Phước Hậu
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Văn Kỳ
Tổng Giám đốc

Huỳnh Minh Thống
Kế toán trưởng

Lê Nam Hải
Trưởng Ban kiểm soát

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)



David Charles Kadarauch
Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư